SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000348 đăng ký lần đầu 29 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 03 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số ...../ĐKNY do Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày ..... tháng .....năm .....)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. **Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây**

   Xã Hồng Quang – huyện Ứng Hòa – Hà Nội

2. **Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

   - Hội sở Công ty Chứng khoán Sài Gòn

     Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

   - CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

     Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Hoàng Thị Hiền — Chức vụ: Kế toán trưởng

Số điện thoại: (84-04) 3377 5135 — Fax: (84-04) 3377 5259

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000348 đăng ký lần đầu 29 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 03 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phần niêm yết: **2.936.140 cổ phiếu**

Tổng giá trị niêm yết: **29.361.400.000 đồng (tính theo mệnh giá)**

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2008:

- Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

  Địa chỉ: Số 1- Lê Phụng Hiểu - Hoàn Kiếm - Hà Nội

  ĐT: (84-04) 3824 1990/1 Fax: (84-04) 3825 3973

TỔ CHỨC TƯ VẤN

- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn

  Trụ sở chính:

  Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

  Điện thoại: (84-08) 3824 2897 Fax: (84-08) 3824 7430

  Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

- CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: 180-182 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84-08) 3821 8567 Fax: (84-08) 3291 0590

- CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

  Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

  ĐT: (84-04) 3936 6321 Fax: (84-04) 3936 6311

- CN Trần Bình Trọng – Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng – Hoàn Kiếm – Hà Nội

  ĐT: (84-04) 3942 6718 Fax: (84-04) 3942 6719

- CN Hải Phòng -Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng

  ĐT: (84-031) 356 9123 Fax: (84-031) 356 9130

- CN Vũng Tàu -Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: Số 4 Lê Lợi, Vũng Tàu, Hồ Chí Minh

  ĐT: (84-064) 352 1906 Fax: (84-064) 352 1907

- CN Quảng Ninh

  Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Đại Hải, 156B Lê Thành Tông, Quảng Ninh

  ĐT: (033) 381 5678 Fax: (033) 381 5680

MỤC LỤC

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI 2
MỤC LỤC 4
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 6
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 6
1. Rủi ro về kinh tế 6
2. Rủi ro về pháp luật 6
3. Rủi ro về hoạt động kinh doanh 7
4. Rủi ro thị trường 7
5. Rủi ro của dự án nhà máy xi măng lò quay Tiên Sơn 8
6. Rủi ro khác 8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 9
1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây 9
2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội 9
III. CÁC KHÁI NIỆM 10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 11
1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết 11
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 11
3. Cơ cấu tổ chức Công ty 13
4. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty 14
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông 19
6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết 20
7. Hoạt động kinh doanh 20
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 37
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 39
10. Chính sách đối với người lao động 41
11. Chính sách cổ tức 42
12. Tình hình hoạt động tài chính 43
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng 47
14. Tài sản 55

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009-2011 56
15 Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 61
16 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết 61
17 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết 61
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 61
1. Loại chứng khoán: 61
2. Mệnh giá cổ phiếu 61
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 61
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức hiện hành 61
5. Phương pháp tính giá 62
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 62
7. Các loại thuế có liên quan 63
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 63
1. Tổ chức Tư vấn 63
2. Tổ chức kiểm toán 64
VII. PHỤ LỤC 65

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Việc Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO ngày 11/1/2007 đánh dấu sự hòa nhập của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Song hành cùng cơ hội mà các Doanh nghiệp Việt Nam được hưởng lợi do tham gia WTO, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ chịu nhiều tác động hơn từ nền kinh tế toàn cầu. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay đang khiến nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái. Do những nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản (những thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam) đều đang hứng chịu những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng nên Việt Nam cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng. Tổng mức đầu tư trong toàn xã hội giảm, kéo theo tỷ lệ tăng trưởng GDP giảm. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2008 tăng 22,97%, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP 2008 đã có dấu hiệu suy giảm chỉ đạt mức 6,23% so với mức 8,48% năm 2007(1). Sự biến động của nền kinh tế đã tác động đến sự phát triển của mọi thành phần kinh tế nói chung và ảnh hưởng tức thì đến sự phát triển của ngành công nghiệp - xây dựng Việt Nam nói riêng, ngành phục vụ chủ yếu cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, trong đó có xi măng là sản phẩm chủ yếu của Công ty Cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây.

Tuy nhiên với những chính sách điều hành kinh tế vĩ mô hợp lý của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam đang dần vượt qua những khó khăn. Tính chung năm 2009, giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh 1994 ước tính đạt 696,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm 2008 [(2)].

Khi kinh tế phát triển, thu nhập tăng và nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng của xã hội ngày càng được nâng cao sẽ kéo theo mức tiêu thụ sản phẩm về vật liệu xây dựng tăng theo và ngược lại. Ngoài ra, cơ hội phát triển và sự lớn mạnh của Công ty còn bị chi phối và chịu sự ảnh hưởng bởi định hướng phát triển của ngành.

2. Rủi ro về pháp luật

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán. Luật

(1) Tổng Cục Thống kê http:// www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=413&thangtk=12/2008
(2) Tổng Cục Thống kê http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=413&thangtk=12/2009

và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro về hoạt động kinh doanh

Trong những năm sắp tới, Công ty Xi măng Tiên Sơn nói riêng cũng như các doanh nghiệp trong ngành xi măng nói chung sẽ phải đối mặt với sự tăng giá của một số nguyên liệu đầu vào. Trong năm 2008, giá than tăng 32,7% so với năm 2007 và trong năm 2009, giá than tăng khoảng trên 40% so với năm 2008. Than là nguyên liệu và nhiên liệu chính trong sản xuất xi măng, chiếm khoảng 18% tổng giá vốn hàng bán của Công ty. Do hiện tại Công ty vẫn sử dụng công nghệ lò đứng trong sản xuất xi măng nên tỷ lệ tiêu hao nhiệt năng cao hơn nhiều so với công nghệ lò quay. Do đó, giá than tăng sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đáng kể tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra các nguyên liệu khác như đá vôi, sét, thạch cao cũng có xu hướng tăng giá. Sự gia tăng giá cả nguyên vật liệu sẽ đẩy giá thành sản phẩm ngành xi măng tăng cao, ảnh hưởng bất lợi đến sức cạnh tranh và kết quả kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro thị trường

Hiện nay, đầu tư vào ngành xi măng tương đối lớn, theo thống kê của Hiệp hội Xi măng Việt Nam, tổng số dây chuyền sản xuất xi măng ở Việt Nam năm 2009 là 105, với tổng công suất thiết kế hơn 61 triệu tấn, ước tính sản xuất 50 triệu tấn. Với sản lượng sản xuất là 50 triệu tấn hiện nay so với nhu cầu tiêu thụ năm nay ước 44 - 45 triệu tấn sẽ thừa 4 - 5 triệu tấn. Nếu chạy hết công suất hiện có vào năm 2010 sẽ thừa khoảng hơn 10 triệu tấn xi măng.[(3)]

Với năng lực sản xuất như trên, tính đến hết năm 2009, Việt Nam đứng trong "top" 10 quốc gia có sản lượng xi măng lớn nhất thế giới (Trung Quốc 1.370 triệu tấn/năm; Ấn Độ 160 triệu tấn/năm; Mỹ 113 triệu tấn/năm; Nhật Bản 68 triệu tấn/năm; Thái Lan 65,7 triệu tấn/năm; Tây Ban Nha 54 triệu tấn/năm, Brazil 52,9 triệu tấn/năm...). So với các nước trong khu vực, tốc độ phát triển các dự án xi măng tại Việt Nam đạt mức kỷ lục. [(4)]

Do đó, Công ty sẽ chịu sự cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp đang hoạt động cũng như các doanh nghiệp sắp tới sẽ đầu tư. Trong đó có các doanh nghiệp có tiềm lực mạnh về vốn, dây chuyền công nghệ hiện đại, khấu hao hết đã liên tục giảm giá bán sản phẩm, áp dụng các chính sách quảng cáo khuyến mại lớn kéo dài. Mặt khác, mẫu mã sản phẩm của các doanh nghiệp trên thị trường cũng rất phong phú, đa dạng. Công ty sẽ phải đối mặt trực tiếp với sự cạnh tranh gay gắt về giá cả và mẫu mã sản phẩm. Tuy nhiên, với kinh nghiệm và khả năng về thị trường

[(3)] Nguồn: điểm báo GCVT số 192, ngày 28.09.09

[(4)] http://dddn.com.vn/20090914045810791cat101/thua-xi-mang-cac-doanh-nghiep-can-len-ke-hoach-tinh-toan-lai.htm

cũng như các tiềm lực sẵn có cộng với một vị trí địa lý hết sức thuận lợi trong vùng thị trường có tốc độ đầu tư hạ tầng cao, Công ty sẽ duy trì được sản lượng bán hàng, sản lượng sản xuất và giá bán trên thị trường truyền thống của mình.

5. Rủi ro của dự án nhà máy xi măng lò quay Tiên Sơn

- Rủi ro về tăng vốn đầu tư: Theo dự án cơ sở, tổng mức đầu tư của dự án là 362.839.987.000 đồng, dự án được tính trên tỷ giá VND/USD là 16.112 đồng Việt Nam. Tổng mức đầu tư quy đổi so với tỷ giá hiện nay (17.872 VND/USD) là: 401.986.459.000 đồng. So với mức vốn đầu tư ban đầu, mức vốn đầu tư mới tăng 11 %. Tính hiệu quả dự án có thể giảm do tăng vốn đầu tư trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi.
- Rủi ro về môi trường: Sản xuất xi măng là một ngành ô nhiễm tương đối lớn cho môi trường, do đó nếu trong quá trình sản xuất Công ty không có biện pháp nhằm hạn chế tối đa sự ô nhiễm có thể sẽ ảnh huởng đến hoạt động như bị ngừng sản xuất, tiêu tốn chi phí xử lý.

6. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác mang tính bất khả kháng như: thiên tai, dịch họa, sự biến động của chính trị, chiến tranh, bệnh dịch... sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới toàn bộ nền kinh tế.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Ông **Nguyễn Thế Nhậm**	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Ông **Phạm Văn Đường**	Phó giám đốc
Ông **Tưởng Mạnh Biên**	Phó giám đốc
Bà **Hoàng Thị Hiền**	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Ông **Nguyễn Danh Lệ**	Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Bà **Trần Thị Thúy**	Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty:	Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Tổ chức niêm yết:	Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
SSI:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
BKS:	Ban Kiểm soát
Điều lệ:	Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Sở giao dịch chứng khoán:	SGDCK
CNĐKKD:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CMND:	Chứng minh nhân dân
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QLCL:	Quản lý chất lượng
KCS:	Kiểm tra chất lượng sản phẩm
KH & ĐT:	Kế hoạch và Đầu tư
TP:	Thành phố
Tisoco:	Tên viết tắt Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
TNDN:	Thu nhập doanh nghiệp
CP:	Cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên gọi Công ty	**: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY**
Tên giao dịch đối ngoại	: TIEN SON CEMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: TISOCO
Logo	
Địa chỉ doanh nghiệp	: Xã Hồng Quang – huyện Ứng Hòa – Hà Nội
Số điện thoại	: (84-04) 3377 5130
Fax	: (84-04) 3377 5259
Vốn điều lệ	: 29.361.400.000 đồng (Hai mươi chín tỷ ba trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm ngàn đồng).
Website	: http://ximangtiensonhatay.vn

Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm: Sản xuất xi măng, Clinker, vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng công trình giao thông, thuỷ lợi, san lấp mặt bằng công trình, kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây được thành lập từ 10/3/1966, được sáp nhập từ 2 đơn vị: công trường khai thác đá Vĩnh Sơn và Xí nghiệp vôi đá Tiên Mai và đổi tên là Xí nghiệp vôi đá Tiên Sơn. Năm 1978, Xí nghiệp đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng lò thủ công có công suất 10.000 tấn xi măng/năm và sản phẩm xi măng được mang tên xi măng Tiên Sơn. Năm 1993, xí nghiệp đầu tư 1 dây chuyền sản xuất xi măng công nghệ của Trung Quốc có công suất 60.000 tấn xi măng/năm. Đầu năm 1995, do qui mô sản xuất kinh doanh phát triển, Xí nghiệp đổi tên chuyển thành Công ty Xi măng Tiên Sơn.

Do tình hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả, sản phẩm xi măng của Công ty được thị trường chấp nhận. Năm 2003, Công ty tiếp tục đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất xi măng công

nghệ lò đứng của Trung Quốc, có công suất 60.000 tấn xi măng/năm, nâng công suất của 2 dây chuyền lên 120.000 tấn xi măng/năm.

Công ty tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã Hồng Quang - huyện Ứng Hoà – Hà Nội, có diện tích là 47.000m2, giáp huyện Kim Bảng - tỉnh Hà Nam. Tài nguyên để sản xuất cách nhà máy 200 m, do đó rất thuận lợi trong khâu khai thác nguyên liệu để hạ giá thành sản phẩm xi măng. Do tình hình địa lý thuận lợi giáp gianh hai tỉnh Hà Nam và Hoà Bình cho nên sản phẩm xi măng Tiên Sơn được tiêu thụ chủ yếu khu vực phía Nam Hà Nội một phần trên địa bàn Hà Nam, Hòa Bình.

Ngày 13/11/2003, UBND tỉnh Hà Tây (cũ) có Quyết định số 1401QĐ/UB ngày 10/12/2004 về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Xi măng Tiên Sơn thành Công ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây, vốn điều lệ là 15.668 triệu VNĐ (mệnh giá 100.000đ/CP), trong đó Nhà nước nắm 49% vốn điều lệ, bán cho người lao động trong doanh nghiệp 51% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/12/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 03/10/2008.

Các danh hiệu Công ty đã đạt được:

- Giải bạc chất lượng Việt Nam (1997)
- Giải vàng chất lượng Việt Nam (1998)
- Giải thưởng chất lượng Việt Nam (2005)
- Huân chương lao động hạng ba (1995-1999)
- Huân chương lao động hạng hai (1999-2003)

Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

THỜI GIAN	VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)	GIÁ TRỊ TĂNG CỦA VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)	PHƯƠNG THỨC	GHI CHÚ
Đăng ký lần đầu ngày 27/12/2004	15.668.000.000			Mệnh giá 100.000đ/CP
Ngày 5/3/2006	17.361.400.000	1.693.400.000	Tăng vốn điều lệ từ khoản thuế TNDN được miễn giảm (*)	Mệnh giá 100.000đ/CP
Ngày 21/11/2006	29.361.400.000	12.000.000.000	Phát hành tăng vốn điều lệ (**)	Mệnh giá 100.000đ/CP

(*) Theo Quyết định số 02-QĐ/ĐHĐCĐ ngày 05/03/2006, Đại hội cổ đông Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2005 được miễn 28% là 1.693.440.000 VNĐ. Tuy nhiên, do mệnh giá CP tại thời điểm đó là 100.000 đồng/CP nên số lẻ 40.000 đồng từ số tiền tăng vốn điều lệ 1.693.440.000 đồng được chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển và được thể hiện trong BCTC năm 2006.

(**) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/HĐCĐ-CT ngày 21/11/2006, Công ty tăng vốn điều lệ từ 17.361.400.000 VNĐ lên 29.361.400.000 VNĐ (tăng thêm 12.000.000.000 VNĐ), phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thay đổi mệnh giá cổ phần từ 100.000 đồng/cổ phần xuống 10.000 đồng/cổ phần, giấy tờ pháp lý của đợt tăng vốn như sau:

- Tờ trình số 22PA/TV-TS của UBND tỉnh Hà Tây về việc phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ.
- Công văn số 5049/UBND-TH của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây ngày 03/11/2006.
- Biên bản hội nghị giữa Sở tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây ngày 16/11/2006.
- Tờ trình số 2331/TT/TC-DN của Sở Tài chính ngày 17/11/2006.
- Công văn số 5342/UBND-TH của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây ngày 21/11/2006.

Sau khi thực hiện 2 đợt tăng vốn điều lệ, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 06/04/2007, vốn điều lệ đăng ký tăng từ 15.668.000.000 đồng lên 29.361.400.000 đồng. Sau khi tăng vốn điều lệ, mệnh giá cổ phần của Công ty là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty chính thức đăng ký Công ty đại chúng với UBCKNN từ ngày 20/01/2008.

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

- Trụ sở chính của Công ty

  Địa chỉ: Hồng Quang – Ứng Hoà – Hà Nội

  Điện thoại: (84-04) 3377 5130

- Các văn phòng đại diện
  - Văn phòng Hà Đông

    Địa chỉ: Số 6 - Khu dịch vụ Ba La, quận Hà Đông, Hà Nội

    Điện thoại: (84-04) 3382 7938 – (84-04) 3324 0932

- Công ty con

  Công ty TNHH Tiên Sơn

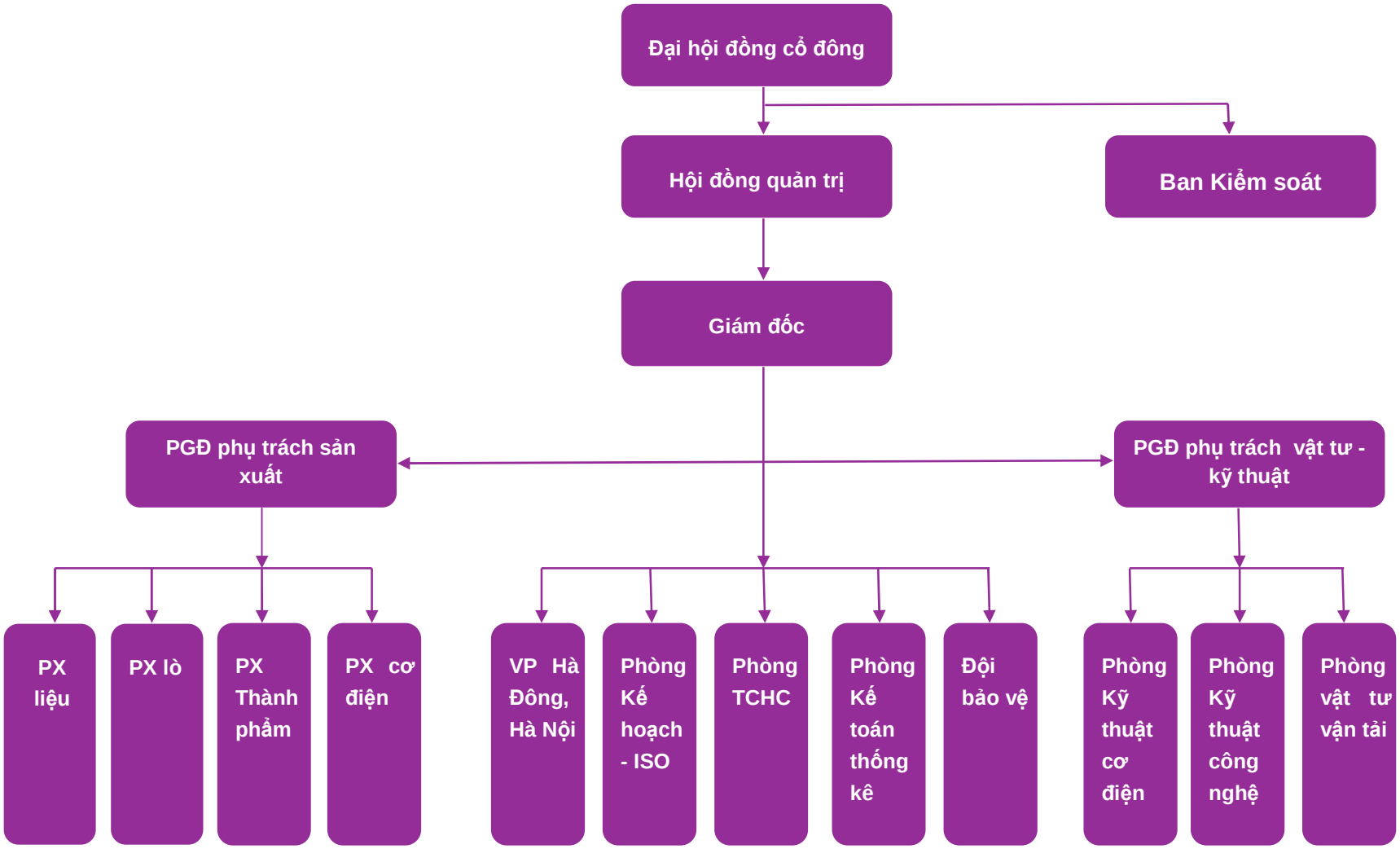
Công ty TNHH Tiên Sơn là Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu của Công ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây. Công ty TNHH Tiên Sơn hoạt động với vốn điều lệ là 4.500.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh chính là khai thác và chế biến đá. Công ty TNHH Tiên Sơn quản lý trực tiếp mỏ đá vôi hiện nay của Công ty mẹ, chịu trách nhiệm khai thác và chế biến đá một phần để bán, một phần cung cấp cho Công ty mẹ sản xuất xi măng, Dự kiến, Công ty TNHH Tiên Sơn sẽ sử dụng dây chuyền khai thác và chế biến đá do Công ty mẹ bàn giao sang, dự kiến vào quý 3 năm 2010 sẽ đi vào hoạt động.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/07/2006.
- Điều lệ Công ty được Đại hội đồng Cổ đông lần I ngày 27/12/2004 và Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ tư được Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 27 tháng 3 năm 2009 nhất trí thông qua.

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty


Đại hội đồng cổ đông
Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Giám đốc
PGĐ phụ trách sản xuất
PGĐ phụ trách vật tư - kỹ thuật
PX liệu
PX lò
PX Thành phẩm
PX cơ điện
VP Hà Đông, Hà Nội
Phòng Kế hoạch - ISO
Phòng TCHC
Phòng Kế toán thống kê
Đội bảo vệ
Phòng Kỹ thuật cơ điện
Phòng Kỹ thuật công nghệ
Phòng vật tư vận tải

Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Thế Nhậm	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Đường	Uỷ viên HĐQT
Bà Hoàng Thị Hiền	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Tưởng Mạnh Biên	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Minh Hà	Uỷ viên HĐQT

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Thế Nhậm	Giám đốc
Ông Phạm Văn Đường	Phó Giám đốc
Ông Tưởng Mạnh Biên	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Cơ cấu Ban Kiểm soát hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Danh Lệ	Trưởng ban
Ông Trần Văn Nghinh	Thành viên
Ông Bùi Văn Đồng	Thành viên

Phòng Tổ chức hành chính tổng hợp

- Quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo
- Quản lý sổ BHXH, con dấu, văn thư

- Đề xuất mua sắm, cấp phát, quản lý trang thiết bị văn phòng
- Tổ chức tiếp khách, xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo
- Lập kế hoạch tiền lương, thưởng…

Phòng Kế hoạch điều độ sản xuất – ISO

- Về kế hoạch và điều độ sản xuất: Hàng tháng lập và giao kế hoạch sản xuất, kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch bố trí sử dụng lao động ... cho các phân xưởng phòng ban trực thuộc Công ty một cách tỷ mỷ và kịp thời (trước ngày 30 tháng trước).
- Thực hiện công tác ISO.

Phòng kế toán thống kê

- Ghi chép tính toán phản ánh tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng kinh phí của Công ty.
- Cung cấp số liệu, tài liệu cho việc điều hành sản xuất kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, quyết toán của Công ty.
- Lập các hợp đồng cung cấp xi măng cho khách hàng.
- Quản lý giấy phép kinh doanh.
- Lập phương án nguồn vốn và sử dụng vốn hàng năm, kế hoạch, tín dụng, lợi nhuận.
- Tính toán, trích nộp các khoản nộp ngân sách Nhà nước, các quỹ, phân phối lợi nhuận.
- Quản lý tiền mặt chi lương, chi thưởng.
- Quản lý công tác bán hàng và các dịch vụ sau bán hàng.

Phòng vật tư vận tải

- Tổ chức thu mua, bảo quản, cấp phát kịp thời đầy đủ, tất cả các loại nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị thuộc danh mục mua ngoài theo đúng số lượng, chủng loại và chất lượng;
- Tổ chức kiểm nghiệm tất cả các loại nguyên, vật liệu phụ tùng thiết bị mua ngoài trước khi nhập kho;
- Việc bảo quản, nhập xuất các loại vật tư phải tuân thủ theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước và qui chế của Công ty.
- Điều hành các hoạt động bán hàng, hàng ngày cung cấp kịp thời phương tiện vận tải;
- Bảo quản cung ứng, cấp phát vật tư, nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng thay thế kịp thời phục vụ sản xuất ổn định;
- Thiết lập theo dõi, thanh quyết toán các hợp đồng cung ứng vật tư, mua thiết bị máy móc.
- Tham gia trong việc đánh giá lựa chọn người cung cấp, người thầu phụ.

Văn phòng Hà Đông

- Tham mưu cho Giám đốc ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Quản lý và điều hành các đại lý tiêu thụ xi măng.
- Quảng cáo, giới thiệu sản phẩm

Phòng kỹ thuật cơ điện

- Hàng tháng căn cứ kế hoạch sản xuất Công ty giao, triển khai đến toàn thể cán bộ công nhân viên trong phòng.
- Lập lý lịch máy theo dõi và có kế hoạch bảo dưỡng duy tu, sửa chữa máy móc kịp thời, lập tiêu chuẩn, tay nghề cho các loại máy.
- Đôn đốc, nhắc nhở, theo dõi phân xưởng cơ điện sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị theo kế hoạch. Có trách nhiệm lập biên bản các sự cố lớn và nghiệm thu sau khi sửa chữa.
- Lập danh mục thiết bị theo từng khu, từng phân xưởng.
- Phối hợp với các phòng ban liên quan nghiệm thu chất lượng máy móc thiết bị phụ tùng mua về.

Phòng kỹ thuật công nghệ

- Phải bố trí đầy đủ nhân viên kỹ thuật có chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao trong các công đoạn phân tích hoá nghiệm, giám sát qui trình kỹ thuật và kiểm tra chất lượng sản phẩm, vận hành phòng vi tính.
- Trực tiếp tính toán các bài phối liệu đưa vào sản xuất, các bài phối liệu phải ghi chép, lưu giữ sổ sách riêng. Phải mở sổ sách theo dõi chất lượng và sản lượng clinker tương ứng với từng bài phối liệu.
- Thiết kế mác xi măng phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam 6260-1997.
- Kiểm tra sản phẩm trước khi nhập kho,
- Quyết định các lô xi măng xuất kho và ký phiếu xuất kho, bảo hành cho khách hàng.
- Cùng phòng tài vụ giải quyết các khiếu nại của khách hàng, đề xuất các biện pháp xử lý quy trình QMR (liên quan đến chất lượng của xi măng). Cùng với các bộ phận liên quan nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp khắc phục sản phẩm không phù hợp.
- Có trách nhiệm tổng kết hoạt động khoa học, biên soạn và chủ trì bồi dưỡng kỹ thuật, công nghệ sản xuất cho công nhân.
- Giao dịch liên hệ với các cơ quan quản lý chất lượng cấp trên;
- Lập báo cáo về chất lượng gửi lãnh đạo Công ty.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Danh sách Cổ đông nắm trên 5% vốn Cổ phần thời điểm 15/03/2010

TT	CỔ ĐÔNG NẮM TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ SỞ HỮU	TỶ LỆ
1	SCIC Đại diện: Ông Nguyễn Thế Nhậm	850.700	8.507.000.000	28,97
2	Hoàng Thị Hiền	171.300	1.713.000.000	5,83
3	Nguyễn Thế Nhậm	151.400	1.514.000.000	5,15

Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây chốt ngày 15/03/2010

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 15/03/2010

THỜI GIAN	TÊN	SỐ CỔ PHẦN	SỐ VỐN GÓP	TỶ LỆ
1	Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) Đại diện: Ông Nguyễn Thế Nhậm	850.700	8.507.000.000	28,97
2	Nguyễn Thế Nhậm	151.400	1.514.000.000	5,15
3	Hoàng Thị Hiền	171.300	1.713.000.000	5,83
4	Tưởng Mạnh Biên	45.800	458.000.000	1,56
5	Phạm Văn Đường	32.000	320.000.000	1,10
6	Nguyễn Văn Thư	27.500	275.000.000	0,94
	Tổng	**1.278.700**	**12.787.000.000**	**43,55**

Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây chốt ngày 15/03/2010

Bảng 4: Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 15/03/2010

TT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ
1	Cổ đông trong nước	2.936.140	473	29.361.400.000	100
	- Cổ đông tổ chức	850.700	1	8.507.000.000	28,97
	- Cổ đông cá nhân	2.085.440	472	20.854.400.000	71,03
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	Tổng	**2.936.140**	**473**	**29.361.400.000**	**100**

Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây chốt ngày 15/03/2010

6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.

Bảng 5: Danh sách Công ty con

TT	TÊN	ĐỊA CHỈ	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH	VỐN ĐIỀU LỆ	TỶ LỆ NẮM GIỮ
1	Công ty TNHH Tiên Sơn	Xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng, Hà Nam	Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nam cấp	4.500.000.000	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Thời gian hoạt động của Công ty con bắt đầu dự kiến vào quý 3/2010

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản phẩm, dịch vụ chính

Sản phẩm chính của Công ty là xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB30 Tiên Sơn. Công ty chủ yếu cung cấp xi măng bao PCB 30, còn xi măng rời PCB30 chiếm tỷ trọng rất nhỏ không đáng kể. Do đặc điểm công nghệ là xi măng lò đứng nên sản phẩm của Công ty chỉ phù hợp với nhãn hiệu đăng ký hàng hóa là PCB30 tiêu chuẩn TCVN 6260:1997 (sản phẩm chủ yếu dùng cho sản phẩm bê tông không cốt thép) vì lượng vôi tự do (CaO) còn lại trong xi măng từ 2-3%. Xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB30 Tiên Sơn được chế tạo bằng cách nghiền mịn hỗn hợp clinker poóc lăng với các phụ gia hoạt tính (bazan, đá mạt…) và một lượng thạch cao cần thiết. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ bán khô lò đứng cơ giới hóa của Trung Quốc với công suất hai dây chuyền là 120.000 tấn xi măng/năm được đặt tại xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Thị trường tiêu thụ của Công ty bao gồm các quận, huyện sau của Hà Nội: huyện Ứng Hòa, huyện Mỹ Đức, huyện Chương Mỹ, huyện Thanh Oai, quận Thanh Xuân, quận Hà Đông và một số huyện của tỉnh Hòa Bình.

Sản phẩm xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB30 Tiên Sơn là sản phẩm rất mịn, chế tạo vừa có độ dẻo cao, luôn ổn định thể tích, có thời gian đông kết tối ưu, đạt cường độ chịu nén cao nên thích hợp cho việc xây dựng công trình dân dụng, cầu cống, đường xá. Theo đánh giá của các doanh nghiệp trên địa bàn nam Hà Nội, xi măng của Công ty có chất lượng tốt do chất lượng đá vôi của mỏ đá Công ty đang khai thác phù hợp với làm đường sá, cầu cống và các công trình dân dụng khác.

Năm 2008, giá xi măng bán tại địa bàn nhà máy: 730.000 đồng/tấn (đã có thuế VAT), bán tại địa điểm của khách hàng: 800.000 đồng/tấn (đã có thuế VAT). Đến thời điểm tháng 12 năm 2009, giá bán của Công ty tại nhà máy là 740.000 đồng/tấn, tăng 1,36% so với năm 2008. So

với các đơn vị khác có cùng chất lượng, giá bán của Công ty ngang bằng và được thị trường chấp nhận.

Bảng 6: Cơ cấu sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty giai đoạn 2008 – 2009

Đơn vị tính: tấn

TT	TÊN SẢN PHẨM	2008	2009
	Sản xuất		
1	Xi măng PCB 30 (tấn)	154.615	144.909
2	Đá các loại (m^3)	16.026	26.680
	Tiêu thụ		
1	Clinker (tấn)		9.668
2	Xi măng PCB 30 (tấn)	154.099	144.718
3	Đá các loại (m^3)	17.329	25.277

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

7.2 Sản lượng dịch vụ qua các năm

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm giai đoạn 2008 – 2009

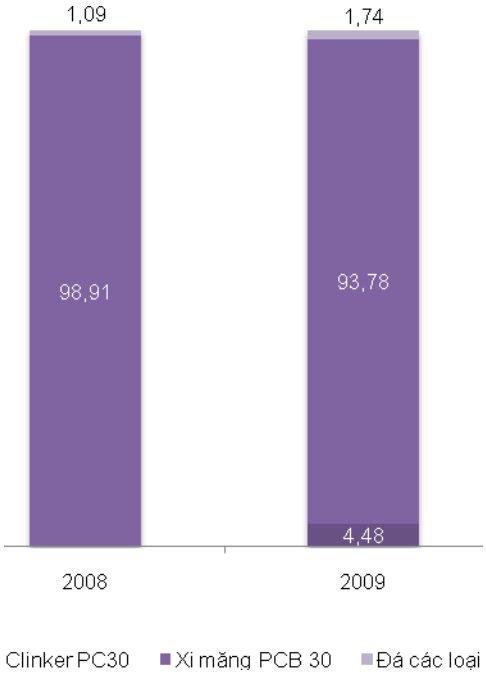
Đơn vị: triệu VNĐ

TT	Tên sản phẩm	2008		2009	
		Giá trị	%	Giá trị	%
1	Clinker PC30			4.572	4,48
2	Xi măng PCB 30	98.151	98,91	95.996	93,78
3	Đá các loại	1.085	1,09	1.785	1,74
	Tổng	**99.236**	**100,00**	**102.353**	**100,00**

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Năm 2009, Công ty bán 9.668 tấn clinker ra bên ngoài do có những thời điểm trong năm 2009, việc tiêu thụ clinker nhanh hơn việc tiêu thụ xi măng.

Hình 3: Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm của Công ty giai đoạn 2008 – 2009 (%)



Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm giai đoạn 2008 – 2009

Đơn vị: triệu VNĐ

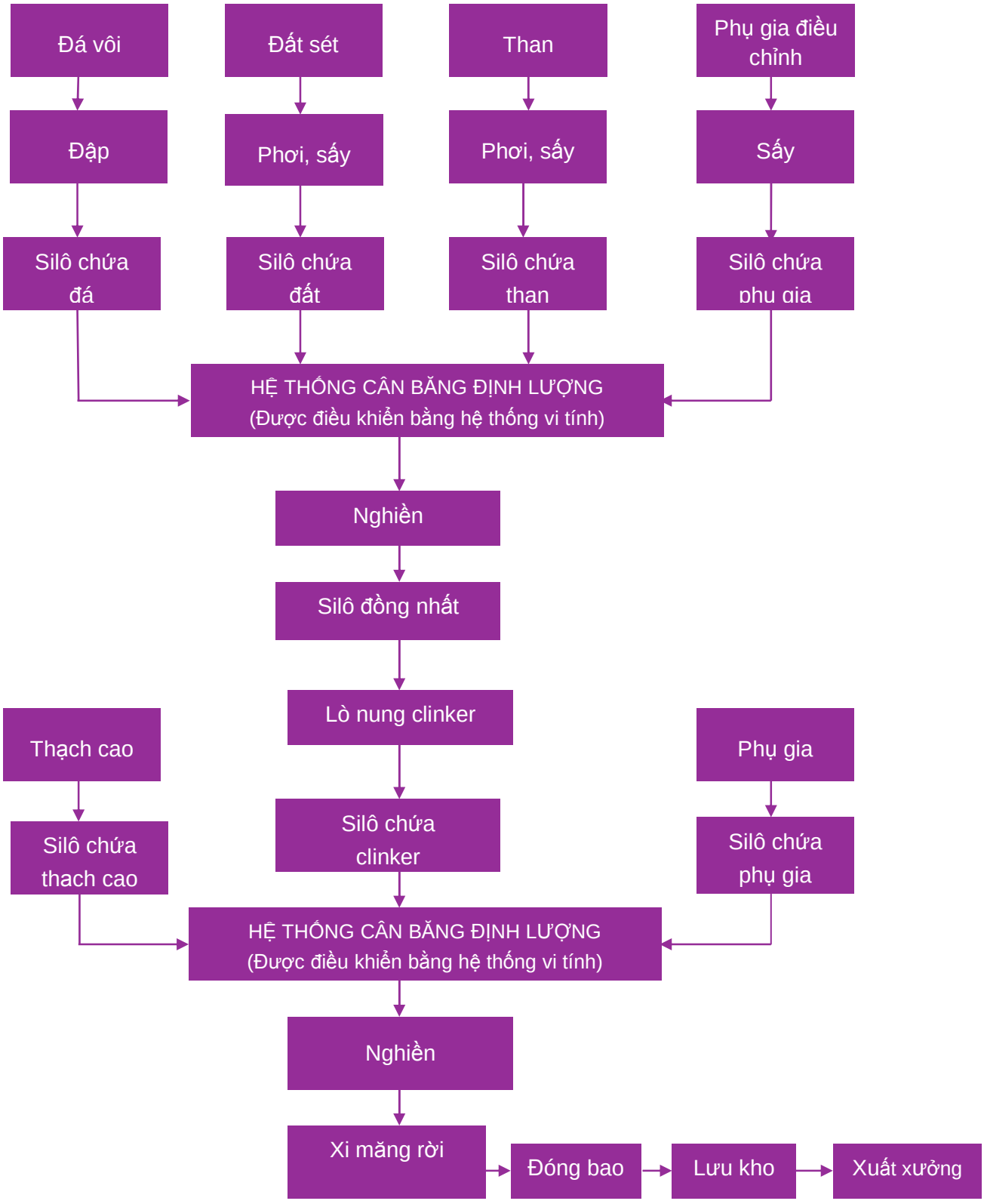
TT	Tên sản phẩm	2008		2009	
		Giá trị	% tổng doanh thu	Giá trị	% tổng doanh thu
1	Clinker PC30			122	0,12
2	Xi măng PCB 30	14.644	14,75	15.159	14,81
3	Đá các loại	408	0,41	615	0,6
	Tổng	**15.052**	**15,16**	**15.896**	**15,53**

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

7.3 Quy trình sản xuất các sản phẩm

Quy trình sản xuất sản phẩm xi măng pooclăng hỗn hợp tại Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây được mô tả tóm tắt qua sơ đồ sau:

Hình 5: Quy trình sản xuất sản phẩm xi măng pooclăng hỗn hợp



Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Toàn bộ quá trình sản xuất của Công ty được tổ chức, điều hành, kiểm tra, giám sát và quản lý bởi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000.

Tất cả các loại nguyên liệu, nhiên liệu. vật liệu như đá vôi, đất sét, than, thạch cao, đá xanh, xỉ lò cao và các phụ gia điều chỉnh thành phần hoá (quặng sắt, cát non) ... trước khi đưa vào sản xuất đều phải được kiểm tra chặt chẽ đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

Đá vôi sau khai thác có kích thước ≤ 300 mm được đưa tới hệ thống máy kẹp hàm và máy đập búa đập nhỏ tới kích thước ≤ 25 mm được gầu tải đưa vào silô chứa đá vôi. Quặng sắt vận chuyển về Công ty có kích thước ≤300 mm chứa vào kho sau đó được đưa vào hệ thống chế biến và dự trữ như đá vôi.

Đất sét vận chuyển về kho Công ty được đổ riêng từng lô theo các loại khác nhau. Khi đưa vào sản xuất đập nhỏ kích thước ≤ 30 mm được băng tải cao su đưa vào máy sấy thùng quay. Máy sấy được cung cấp nhiệt nhờ buồng đốt tầng sôi, nhiệt độ được duy trì 700-8000 độ C. Độ ẩm ra khỏi máy sấy thùng quay ≤ 4% sau khi ra khỏi máy sấy đất được gầu tải đưa lên silô chứa đất; đồng thời, đất sét còn được mang đi phơi, đập nhỏ đến kích thước ≤ 30 mm và đạt độ ẩm ≤ 6%, đất sét phơi được đưa đến kho dự trữ ≈1.000 tấn ngừng sấy để đưa đất phơi vào nạp.

Than được vận chuyển về kho Công ty với kích thước ≤ 25mm được đổ theo từng lô riêng biệt, quá trình sấy than và phơi than cũng như đối với đất, nhiệt độ 400-5000 độ C, độ ẩm quy định ≤ 6% được đưa vào silô chứa than. Quá trình phơi đất pháp cổ (là một loại phụ gia điều chỉnh) cũng tương tự, độ ẩm ≤ 10% được đưa vào si lô chứa đất pháp cổ.

Các nguyên liệu được hệ thống cấp liệu và cân băng điện tử nhờ sự điều khiển của máy vi tính cân chính xác theo đơn phối liệu và theo năng suất của máy nghiền được cấp vào máy nghiền bi chu trình kín. Tại đây, phối liệu được nghiền mịn đến độ mịn ≤ 14% trên sàng 0,08 mm2 và qua máy phân ly để loại các hạt chưa đạt tiêu chuẩn quay trở lại máy nghiền. Hạt đạt tiêu chuẩn được gầu tải và vít tải đưa vào các silô chứa bột liệu. Hệ thống gầu tải và vít tải đảo trộn bột liệu để bột liệu đồng đều và được chứa vào silô đồng nhất. Việc đảo trộn các loại bột liệu khác nhau phải căn cứ vào yêu cầu của thành phần hoá học của phối liệu đảm bảo trước khi lên lò nung bột phối liệu phải đồng nhất và ổn định.

Bột liệu từ silô đã được đồng nhất được đưa vào vít tải rồi gầu tải vận chuyển đổ vào bunke chứa, qua hệ thống định lượng bột liệu được vận chuyển đến vít trộn 2 trục. Tại đây bột liệu được trộn ẩm đến độ ẩm 12% - 15% và được đưa xuống đĩa vê viên. Trường hợp độ ẩm chưa đạt yêu cầu thì ở máy vê viên có thể bổ sung lượng nước để viên liệu đạt được độ ẩm và kích thước theo yêu cầu (độ ẩm 12% - 15%, kích thước 6-12 mm đạt >55%). Sau đó viên liệu được băng tải cao su vận chuyển vào máng dải liệu, viên liệu được máy dải liệu theo hình lòng chảo. Gió được quạt root cấp vào lò để đốt cháy than và cung cấp ôxy cho các phản ứng cháy xảy ra,

nhiệt độ của zôn nung đạt 1400 – 14500 độ C kết luyện các viên liệu phản ứng nóng chảy tạo thành clinker, sau đó qua zôn làm nguội và ghi quay xuống băng tải xích. Clinker ra lò được máy cán 2 trục xiết nhỏ đến kích thước < 20 mm rơi xuống gầu tải vận chuyển lên băng cào đổ vào silô chứa.

Thạch cao vận chuyển về Công ty có kích thước < 400 mm chứa vào kho sau đó được máy kẹp hàm đập tới kích thước < 25 mm được gầu tải vận chuyển đổ vào silô chứa thạch cao. Phụ gia (đá xanh, xỉ lò cao) được gầu tải vận chuyển đổ vào silô chứa phụ gia.

Clinker, thạch cao và phụ gia được hệ thống cấp liệu và cân băng điện tử nhờ sự điều khiển của máy vi tính cân chính xác theo đơn phối liệu và theo năng suất của máy nghiền được cấp vào máy nghiền bi chu trình kín. Tại đây phối liệu được nghiền mịn đến độ mịn ≤ 10% trên sàng 0,08 mm và qua máy phân ly để loại các hạt chưa đạt tiêu chuẩn quay trở lại máy nghiền, hạt đạt tiêu chuẩn được gầu tải và vít tải đưa vào các silô chứa xi măng sau đó được hệ thống gầu tải và vít tải đảo trộn để xi măng đồng đều, xi măng được cấp liệu cánh cấp liệu vào vít tải lên bunke, qua sàng quay và đóng bao, qua máy đóng bao xi măng được đóng chính xác với khối lượng 50 ± 1 kg sau đó qua máy xếp bao xếp thành chồng 10 bao được xếp trong kho.

Quy trình sản xuất xi măng tại Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây từ công đoạn chuẩn bị nguyên, nhiên vật liệu đến công đoạn xi măng xuất kho, trong tất cả các công đoạn khi hoạt động những khu vực phát sinh bụi đều được các hệ thống thu hồi bụi hiệu quả đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

7.4 Nguyên vật liệu

Gồm nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ.

a. Nguyên vật liệu chính

Là loại nguyên vật liệu bắt buộc phải có trong sản xuất xi măng gồm:

- Đá vôi: chiếm 7,03% tổng giá vốn hàng bán.
- Đất sét: chiếm 2,3 % tổng giá vốn hàng bán.
- Than cám: chiếm 18,71% tổng giá vốn hàng bán.
- Thạch cao (điều chỉnh khả năng đông kết của xi măng): chiếm 4,61% tổng giá vốn hàng bán.

Nguyên vật liệu chính chủ yếu là nguồn nguyên vật liệu trong nước, chỉ có thạch cao phải nhập khẩu từ nước ngoài qua một số Công ty dịch vụ.

- Đá vôi: Công ty tự tổ chức khai thác đá vôi trên mỏ đá vôi của Công ty (nằm liền kề dây chuyền sản xuất của Công ty có trữ lượng trên 50 năm), do UBND tỉnh Hà Nam cấp phép khai thác theo giấy phép khai thác khoáng sản số 98/GP - UBND. Mục đích khai thác: tận

thu và làm đường vào mỏ và được cấp phép khai thác 3 năm/lần. Thời hạn khai thác đến hết tháng 8 năm 2011. Đá vôi đảm bảo chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật quy định.

- Đất sét: Khai thác huyện Ứng Hòa, các huyện lân cận và tại tỉnh Hòa Bình. Các nhà cung ứng đất sét có nguồn dự trữ lớn, đây là nguồn nguyên liệu dễ mua và dễ khai thác.
- Than: Chủng loại than cám 4A-VD Quảng Ninh.
- Thạch cao: Nhập khẩu từ Trung Quốc và Lào, cách biên giới Lào Cai 300 km.

Bảng 9: Danh sách một số các nhà cung cấp nguyên liệu cho Công ty

STT	Nguyên vật liệu	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ
1	Than	Tập đoàn công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam	Số 226 Đường Lê Duẩn – Hà Nội
2	Đất sét	Ông Trần Hữu Vũ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội
3	Thạch cao	Công ty Vật tư Tây Bắc	Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội
4	Thạch cao	Công ty Vật tư Phú Thọ	Số 2/75 Đường Hùng Vương – Thành phố Việt Trì – tỉnh Phú Thọ
5	Thạch cao	Xí nghiệp dịch vụ đường sắt Hà Thái	Số 34 – Khối 2B – Thị trấn Đông Anh – Hà Nội

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

b. Nguyên vật liệu phụ

Là nguyên vật liệu dùng để làm phụ gia điều chỉnh hoặc là phụ gia khoáng hóa nhằm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm (có thể thay bằng các nguyên vật liệu khác có thành phần hóa tương tự).

Nguồn nguyên vật liệu phụ trong sản xuất chủ yếu là nguồn nguyên vật liệu trong nước.

- Quặng sắt: Khai thác tại Thanh Hóa.
- Xỉ lò cao: Là sản phẩm phế thải của Công ty gang thép Thái Nguyên – tỉnh Thái Nguyên.
- Đá xanh (pha vào để tạo màu xi măng): Mỏ đá Sunway thuộc Hoà Thạch - huyện Quốc Oai – Hà Nội.

Bảng 10: Danh sách một số các nhà cung cấp nguyên vật liệu phụ cho Công ty

STT	Nguyên vật liệu	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ
1	Quặng sắt	Công ty TNHH Vân Du	Bắc Sơn – Tam Điệp – Ninh Bình
2	Quặng sắt	Công ty TNHH Thanh Tùng	Lam Sơn - Bỉm Sơn – Thanh Hoá
3	Đá mỡ	Công ty Vật liệu Xây dựng Sun way	Hoà Thạch - Quốc Oai - Hà Nội
4	Vỏ bao	Công ty TNHH Anh Đào	Thanh Trì – Hà Nội

5	Vỏ bao	Công ty CP Công nghiệp Hồng Hà	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

c. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Các nhà cung ứng nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ cho Công ty đều là những nhà cung ứng truyền thống, đã cung ứng cho Công ty cho nhiều năm qua.

- Đối với nguồn cung ứng đất sét: các nhà cung ứng đất sét có nguồn dự trữ lớn, đây là nguồn nguyên liệu dễ mua và dễ khai thác.
- Đối với nguồn cung ứng than: Tất cả các nhà máy xi măng công suất lớn, vừa và nhỏ hiện nay vẫn được Nhà nước bảo hộ và đảm bảo khối lượng sử dụng ổn định.
- Đối với nguồn cung ứng thạch cao: Tuy là loại nguyên liệu phải nhập khẩu nhưng các nhà cung ứng thạch cao cho Công ty đều là các nhà cung ứng lớn đang cung ứng cho nhiều Công ty xi măng lò quay công suất lớn, mặt khác đây là nguyên liệu mà lượng sử dụng ít.

d. Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

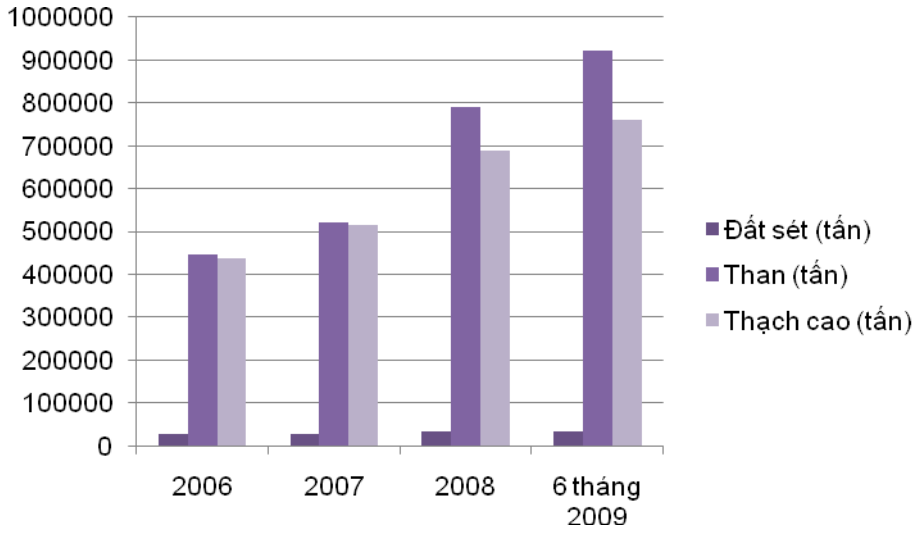
Bảng 11: Giá một số nguyên vật liệu các năm (2007 – Quý I, II/2009)

Đơn vị: VNĐ

TT	Tên nguyên vật liệu	2006	2007		2008		6 tháng 2009
		Giá mua (VND/tấn)	Giá mua (VNDtấn)	% tăng (giảm) so với 2006	Giá mua (VND/tấn)	% tăng (giảm) so với 2007	Giá mua (VND/tấn)
1	Đất sét (tấn)	26.500	27.500	3,77	35.000	27,27	35.000
2	Than (tấn)	445.100	521.350	17,13	789.600	51,45	920.900
3	Thạch cao (tấn)	438.000	515.000	17,58	690.000	33,98	760.000
4	Quặng sắt (tấn)	155.000	163.500	5,48	170.000	3,97	215.000
5	Vỏ bao (cái)	1.900	2.150	13,16	2.580	20	2.730
6	Đá mỡ (tấn)	63.500	69.500	9,45	88.000	26,62	106.000
7	Vật liệu công nghiệp	14.795	14.795	-	16.548	11,85	32.880
8	Kíp điện	2.614	3.045	16,49	3.045	-	3.580
9	Kíp đốt	966	966	-	966	-	1.160
10	Dây cháy chậm	1.989	1.989	-	1.989	-	2.680
11	Dây nổ	235	388	65,11	388	-	500

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Hình 5: Giá một số nguyên vật liệu chính của Công ty giai đoạn 2006 – 6 tháng 2009



Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Giá cả nguyên vật liệu trong những năm qua có sự biến động mạnh. Do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng từ 65-70% tổng chi phí của doanh nghiệp nên giá nguyên vật liệu là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận Công ty. Ngoài ra, những biến động về giá xăng dầu, điện cũng ảnh hưởng lớn tới giá thành sản phẩm cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty cũng áp dụng các biện pháp sau để hạn chế sự biến động của giá nguyên vật liệu đến chi phí sản xuất:

- Tăng cường quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2000, quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 nhằm duy trì một hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường có hiệu quả, góp phần tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, giảm thiểu sự lãng phí và huỷ hoại môi trường.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm chi phí sản xuất và chủ động xây dựng mạng lưới các nhà cung cấp truyền thống, có quan hệ lâu năm và linh hoạt trong việc sử dụng mạng lưới các nhà cung cấp, qua đó Công ty có thể kiểm soát rủi ro về giá cả, ví dụ:
  - ✓ Tiết kiệm chi phí bằng cách sử dụng các nguyên liệu rẻ thay thế cho nguyên liệu đắt có cùng tính năng sử dụng mà vẫn đảm bảo chất lượng: Công ty sử dụng vỏ bao tái sinh 2.200 đồng/1 vỏ bao (1 bao xi măng: 50 kg +(-)1 kg) thay cho vỏ bao mới: 4.200 đồng/vỏ. Công ty đã tiết kiệm chi phí năm 2007 là 8 tỷ.
  - ✓ Tiết kiệm chi phí bằng cách áp dụng các biện pháp sử dụng đòn bẩy tiền lương, tiền thưởng, nâng cao ý thức của người lao động nhằm tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và các tài nguyên, nguồn lực khác của Công ty.

- ✓ Linh hoạt trong việc sử dụng nhà cung cấp: Thạch cao Công ty phải nhập từ Lào và Trung Quốc, cách biên giới Lào Cai 300 km. Chính sách của Nhà nước hiện nay là ưu tiên chở apatit, phân đạm và hàng xuất khẩu sang Trung Quốc nên khi việc vận chuyển thạch cao từ Trung Quốc về Việt Nam gặp khó khăn doanh nghiệp có thể thay thế nhập khẩu từ Lào.

- ❖ Chú trọng đến việc xây dựng định mức nguyên vật liệu phù hợp để giảm thiểu rủi ro khi có những biến động lớn về giá cả trên thị trường.

7.5 Chi phí hoạt động kinh doanh

Bảng 12: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh giai đoạn 2008 - 2009

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí	2008		2009	
	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần
Giá vốn hàng bán	84.184	84,83	86.457	84,47
Chi phí tài chính	23	0,02	17	0,02
Chi phí bán hàng	1.809	1,82	1.907	1,86
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.057	5,10	5.609	5,48
Tổng cộng	**91.073**	**91,77**	**93.990**	**91,83**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2009 Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Chi phí giá vốn của năm 2009 tăng khoảng 2,7% so với năm 2008 do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng. Tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu của hai năm 2008 và 2009 không có nhiều khác biệt do doanh thu bán hàng năm 2009 cũng tăng tương ứng khoảng 3,1% so với năm 2008. Chi phí bán hàng/doanh thu năm 2009 xấp xỉ so với năm 2008, trong đó chi phí về lương nhân viên bán hàng, hội nghị khách hàng, quảng cáo và tiếp thị chiếm tỷ trọng chủ yếu. Chi phí tài chính/doanh thu năm 2009 xấp xỉ so với năm 2008 do Công ty hoạt động bằng nguồn vốn tự có, không phải vay trả lãi.

7.6 Trình độ công nghệ

Công nghệ sản xuất của Công ty là bán khô lò đứng cơ giới hóa của Trung Quốc:

- ❖ 1 lò nung clinker công suất 15.000 tấn clinker/năm được trang bị từ những ngày đầu Công ty mới thành lập. Sang năm 2008, lò này dừng hẳn không hoạt động.

- ❖ Năm 1994, sau quá trình đầu tư hiện đại hóa lần thứ nhất với công nghệ lò đứng cơ giới hóa, dây chuyền thứ nhất đi vào hoạt động với các thiết bị chủ yếu của Trung Quốc, các thiết bị tự động hóa của các nước G7, công suất thiết kế là 60.000 tấn xi măng/năm.

- ❖ Năm 1999, để đáp ứng nhu cầu nâng cao sản lượng, Công ty đã mở rộng từ lò nung clinker ϕ2.5x10m lên thành ϕ2.75x10m, nâng công suất sản xuất clinker từ 60.000 tấn

clinker/năm lên 65.000 tấn clinker/năm. Giữa năm 2003, Công ty cũng lắp thêm 1 lò nung clinker ϕ2.75x10m và 1 máy nghiền bi vừa nghiền xi măng và phối liệu cho lò nung (công suất 20 tấn liệu/giờ, 12 tấn xi măng/giờ) và do đó nâng cao năng lực nung clinker lên thêm 65.000 tấn clinker/năm.

- Năm 2004, Công ty tiếp tục đầu tư thêm một máy nghiền bi (như dây chuyền 1). Cải tạo lò sấy nguyên liệu cũ thành máy sấy tầng sôi, nâng năng suất sấy lên 1,5 lần, tiêu hao than giảm 50%. Hoàn chỉnh 2 dây chuyền đồng bộ. Vận dụng kinh nghiệm đã có từ dây chuyền thứ nhất, sau khi đưa dây chuyền mới vào vận hành các thiết bị đều đạt và vượt công suất thiết kế, đưa công suất lên 120.000 tấn clinker/năm tương đương 150.000 tấn xi măng/năm.
- Hiện nay, thiết bị chính trong Công ty bao gồm 1 hệ thống đập đá, 1 hệ thống lò sấy tầng sôi, 2 lò nung clinker, 4 máy nghiền bi loại ϕ2.2 x 6.5m (02 máy nghiền liệu và 02 máy nghiền xi măng) đều có xuất xứ của Trung Quốc, sản xuất từ năm 1993 đến năm 2003, các thiết bị điều khiển tự động hóa, điều khiển vi tính, cân băng là của các nước trong nhóm G7 (Nhật và Đức) và một số thiết bị hỗ trợ khác của Trung Quốc và trong nước sản xuất.

Sử dụng công nghệ lò đứng có những nhược điểm như gây ra ô nhiễm môi trường. Vì thế, Chính phủ đang có chủ trương chuyển đổi những nhà máy sản xuất xi măng sử dụng công nghệ lò đứng sang lò quay và tiến tới loại bỏ công nghệ xi măng lò đứng trước 2020. Năm 2009, Công ty đã đầu tư 02 máy hút bụi của Trung Quốc để hút bụi cho 2 lò giá trị 7 tỷ. Để phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước thời kỳ hội nhập cũng như chủ trương của Chính phủ, ngay từ năm 2006, Công ty đã triển khai lập dự án xây dựng một nhà máy xi măng lò quay công suất 1.000 tấn clinker/ngày. Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây cũ phê duyệt và cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án, Công ty đã thuê tư vấn thiết kế ban đầu với chi phí thiết kế là 253 triệu đồng. Ngoài ra, trong quý 3/2009, Công ty đầu tư 1 dây chuyền đập đá công suất 1.000 m3/ngày, dây chuyền này do Công ty TNHH Tiên Sơn quản lý và dự kiến đi vào hoạt động đầu năm 2010.

7.7 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Sản phẩm truyền thống của Công ty là xi măng poocland hỗn hợp PCB 30 Tiên Sơn được sản xuất từ năm 1978 với nhãn hiệu thương mại ba con gấu đã được sử dụng rộng rãi trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

Căn cứ vào đặc điểm công nghệ, thị phần, Công ty nhận thấy sản phẩm PCB 30 phù hợp và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty. Thực tế hiện nay ở Công ty chưa có bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Khi chuyển đổi sang công nghệ lò quay, Công ty định hướng sẽ phát triển thêm sản phẩm PCB 40 để đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

7.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty đã áp dụng và thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Hàng năm, Công ty cung cấp cho thị trường hơn 180.000 tấn xi măng chất lượng đảm bảo theo tiêu chuẩn Việt Nam 6260:1997. Công ty đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn thuộc Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng chứng nhận sản phẩm PCB 30 của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam 6260:1997.

Bảng 13: Các chỉ tiêu chất lượng theo TCVN 6260:1997

Các chỉ tiêu chất lượng	Mức quy định
1. Cường độ chịu nén, N/mm2, không nhỏ hơn	
3 ngày ± 45 phút	14
28 ngày ± 2 giờ	30
2. Thời gian đông kết	
Bắt đầu: không sớm hơn (phút)	45
Kết thúc: Không muộn hơn (giờ)	10
3. Độ mịn	
Phần còn lại trên sàng 0,08 mm không lớn hơn (%)	12
Bề mặt riêng, (xác định theo phương pháp Blaine), không nhỏ hơn (cm2/g)	2.700
4. Độ ổn định thể tích, (xác định theo phương pháp Lechatelier), không lớn hơn (mm)	10
5. Hàm lượng SO3, không lớn hơn (%)	3,5

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Sản phẩm của Công ty được kiểm tra chất lượng chặt chẽ theo 3 công đoạn do Phòng kỹ thuật công nghệ và Phòng Kỹ thuật cơ điện (về tự động hóa và máy móc thiết bị) thực hiện như sau:

- Kiểm tra đầu vào do Phòng kỹ thuật công nghệ đảm nhiệm: bao gồm kiểm tra toàn bộ nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, các loại vật tư đầu vào. Với mỗi loại đối tượng, tổ KCS phải thực hiện đúng chế độ kiểm tra, đủ các loại chỉ tiêu quy định tương ứng với mức yêu cầu đã định; ghi chép đầy đủ kết quả kiểm tra; xử lý các loại vật tư không đạt yêu cầu theo đúng hướng dẫn và chỉ được phép đưa vào sản xuất những vật tư đảm bảo chất lượng theo quy định.
- Kiểm tra trong quá trình sản xuất do Phòng Kỹ thuật công nghệ và Phòng Kỹ thuật cơ điện đảm nhiệm. Tổ này làm việc theo 3 ca liên tục, kiểm tra kiểm soát 24/24 giờ, đảm bảo quá trình sản xuất từ khâu chuẩn bị nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; nghiền liệu; nung clinker; nghiền xi măng và đóng bao theo đúng quy trình kỹ thuật và các quy định của hệ thống quản lý chất lượng hiện hành. Yêu cầu đặt ra là phải đảm bảo kiểm tra đúng chế độ, đúng

đối tượng, đủ chỉ tiêu và đúng các điểm kiểm tra mà quy trình đã quy định. Đối với những nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm không đạt yêu cầu, tổ quản lý công nghệ phải xử lý theo đúng quy định và chỉ được phép đưa tiếp vào khâu sản xuất sau những nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm đã kiểm tra đạt chất lượng ở những khâu trước đó.

- Kiểm tra sản phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng do Phòng kỹ thuật công nghệ thực hiện. Quy trình kiểm tra sản phẩm xuất xưởng đã quy định rõ chế độ kiểm tra, các chỉ tiêu và các điểm kiểm tra đối với xi măng trước khi nhập kho. Các nhân viên quản lý công nghệ phải thực hiện đúng quy định về kiểm tra đảm bảo 100% số lượng xi măng xuất xưởng đạt và vượt TCVN 6260:1997.

Phương thức kiểm tra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng:

- Đối với bột liệu (các nguyên vật liệu để sản xuất clinker được nghiền mịn thành bột liệu): Bộ phận vi tính thuộc Phòng kỹ thuật công nghệ sẽ theo dõi việc định lượng nguyên liệu đầu vào thông qua tín hiệu của máy điều khiển cân băng định lượng. Khi máy điều khiển cho thấy sai số định lượng vượt quá mức cho phép, Phòng kỹ thuật công nghệ và Phòng Kỹ thuật cơ điện sẽ phải phối hợp để điều chỉnh lại máy điều khiển cân băng định lượng.
- Đối với clinker: Phòng Kỹ thuật công nghệ phải phân tích clinker xem tỷ lệ phụ gia có thể trộn vào với clinker để tạo thành xi măng.
- Đối với xi măng: Phòng kỹ thuật công nghệ thử các tiêu chuẩn xi măng theo TCVN 6260:1997:
  - ✓ Làm sản phẩm khối bê tông để đo cường độ chịu nén
  - ✓ Dùng máy đo độ nở kiểm tra độ nở
  - ✓ Xác định thời gian đông kết: trong vòng 45 phút đến 10 giờ

Quy trình kiểm tra chất lượng của Công ty chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu, sản phẩm đạt tiêu chuẩn TCVN TCVN 6260:1997, không có sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

7.9 Hoạt động marketing

Văn phòng đại diện của Công ty phụ trách hoạt động marketing, có 15 người phân chia phụ trách các địa bàn khác nhau.

7.9.1Chính sách sản phẩm

Chính sách sản phẩm do Công ty xây dựng phải thỏa mãn các yếu tố sau:

- Chất lượng ổn định, đạt và vượt TCVN 6260:1997.
- Sản phẩm phải có màu phù hợp với thị hiếu.
- Bao bì, tem nhãn đẹp và dễ nhận thấy trên thị trường.
- Giá bán phải mamg tính cạnh tranh sản phẩm cùng loại.

7.9.2. Chính sách khách hàng

Công ty thực hiện kênh phân phối gián tiếp thông qua các đại lý, các đại lý nhỏ giao dịch với Công ty thông qua văn phòng đại diện. Đại lý lớn và người tiêu dùng giao dịch trực tiếp với Công ty.

Hệ thống đại lý được chia thành: đại lý lớn, đại lý nhỏ, người tiêu dùng.

- Đại lý lớn: Công ty có 3 đại lý lớn. Đại lý lớn là đối tượng khách hàng có sản lượng tiêu thụ nhiều, tín nhiệm trong thanh toán. Cụ thể là sản lượng tiêu thụ trên 10.000 tấn/năm và có quan hệ với Công ty từ 5 năm trở lên.
- Đại lý nhỏ: Công ty có trên 70 đại lý nhỏ. Đây là những cửa hàng có khối lượng tiêu thụ nhỏ hơn 10.000 tấn/năm.
- Người tiêu dùng (mua trực tiếp tại Công ty, có nhu cầu trực tiếp): nếu mua hàng tại Công ty, Công ty sẽ thực hiện chính sách thanh toán ngay.

Công ty giám sát các đại lý lớn. Văn phòng đại diện Công ty có nhiệm vụ giám sát toàn bộ hệ thống đại lý nhỏ, nắm bắt tình hình, đề xuất với lãnh đạo Công ty chính sách, giải pháp giữ vững, phát triển thị trường, thực hiện thu hồi tiền bán hàng.

Khách hàng chủ yếu là các đại lý và hộ gia đình (khoảng 80%), một phần là các công ty xây dựng (20%).

Địa bàn tiêu thụ của Công ty bao gồm các quận, huyện sau của Hà Nội: huyện Ứng Hòa, huyện Mỹ Đức, huyện Chương Mỹ, huyện Thanh Oai, quận Thanh Xuân, quận Hà Đông và một số huyện của tỉnh Hòa Bình.

Công ty cũng áp dụng các chính sách chiết khấu khác nhau đối với các đại lý căn cứ theo lượng xi măng tiêu thụ được hàng tháng, tạo tính hấp dẫn trong chính sách khách hàng của Công ty. Về chính sách đối với đại lý: Công ty thực hiện chính sách chiết khấu cho và chính sách khuyến mãi cho các đại lý có doanh số tiêu thụ nhiều (tính theo kg xi măng). Công ty có chính sách khuyến mại đối với các đại lý theo tháng và theo nửa năm và chia ra làm nhiều mức khuyến mại tùy thuộc vào lượng tiêu thụ.

Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức tham quan, nghỉ mát để khuyến khích các đại lý.

7.9.3. Chính sách giá

Giá bán Công ty áp dụng cho người tiêu dùng và đại lý lớn là 740.000 đồng/tấn. Giá bán áp dụng cho đại lý nhỏ là 800.000 đồng/tấn do Công ty phải chở trực tiếp đến đại lý nhỏ. Giá bán so với các đối thủ thường ngang bằng, có tính cạnh tranh.

Để có giá cạnh tranh, Công ty phải duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO:9001 và hệ thống nội quy, quy chế nhằm kiểm soát chặt chẽ giá cả, số lượng, chất lượng nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào. Công ty cũng đề ra các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp, tiết kiệm nhiên liệu và

chi phí, có chính sách tiền lương, tiền thưởng hợp lý để tạo đòn bẩy kích thích người lao động nhằm nâng cao năng suất lao động. Vì vậy, giá bán của sản phẩm được khách hàng chấp nhận.

7.9.4. Chính sách khuyếch trương sản phẩm

Sản phẩm xi măng Tiên Sơn là sản phẩm đã có thương hiệu trên thị trường nên Công ty lựa chọn hình thức quảng bá sản phẩm sao cho chi phí thấp nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả. Công ty có sự quan tâm tích cực đối với các nhóm đại lý bán hàng trực tiếp, thông tin cho họ những đặc điểm tốt và dễ nhận thấy của sản phẩm để họ quảng bá với người tiêu dùng. Tìm những khu vực thích hợp để tạo dựng thêm hệ thống khách hàng mới, mở rộng thị trường. Định kỳ, Công ty quảng bá trên các báo địa phương, báo chí, tham gia các hội chợ, triển lãm.

Tuy đã có ý thức quảng bá sản phẩm nhưng hiện nay hoạt động này chưa mạnh do nhiều năm Công ty hoạt động trong điều kiện sản phẩm bán chạy, cung không đủ cầu. Tuy nhiên, trong thời gian tới, Công ty sẽ phải đẩy mạnh việc quảng bá, xây dựng thương hiệu để có thể giữ vững thị phần.

7.10 Nhãn hiệu thương mại. đăng ký phát minh. sáng chế và bản quyền

Sản phẩm tiêu thụ của Công ty mang nhãn hiệu ***"Ba con gấu"*** đã được đăng ký và bảo hộ trong nước từ năm 1993 theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 12673 do Cục sở hữu công nghiệp cấp ngày 01 tháng 07 năm 1993 và gia hạn đến ngày 01/07/2013.

Lô gô của Công ty

7.11 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 14: Một số hợp đồng đã ký kết

TT	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Chủng loại sản phẩm	Sản lượng (tấn/năm)	Giá trị (triệu VNĐ)	Ngày kết thúc hợp đồng
1	Nguyễn Thị Thu	01/01/2009	Xi măng PCB30	30.000	21.900	31/12/2009
2	Nguyễn Thị Long	01/01/2009	Xi măng PCB30	30.000	21.900	31/12/2009
3	Lê Công Hứa	01/01/2009	Xi măng PCB30	12.000	9.600	31/12/2009
4	Công ty Sửa chữa đường bộ Hà Tây	01/01/2009	Xi măng PCB30	10.000	8.000	31/12/2009
5	Nguyễn Hữu Có	01/01/2009	Xi măng PCB30	10.000	8.000	31/12/2009

TT	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Chủng loại sản phẩm	Sản lượng (tấn/năm)	Giá trị (triệu VNĐ)	Ngày kết thúc hợp đồng
6	Nguyễn Hữu Phái	01/01/2009	Xi măng PCB30	10.000	8.000	31/12/2009
7	Nguyễn Thu Ngà	01/01/2009	Xi măng PCB30	7.000	5.600	31/12/2009
8	Lê Mạnh Hiền	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
9	Nguyễn Duy Đoàn	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
10	Đoàn Cư Thịnh	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
11	Nguyễn Thị Nhất	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
12	Tạ Xuân Long	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
13	Nguyễn Văn Tuấn	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
14	Phan Thị Thu	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
15	Nguyễn Bá Hiển	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
16	Phan Văn Thái	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
17	Đinh Quang Vinh	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
18	Dương Văn Tập	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
19	Nguyễn Duy Vinh	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
20	Nguyễn Ngọc Bích	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
21	Nguyễn Thị Hường	01/01/2009	Xi măng PCB30	2.000	1.600	31/12/2009
22	Đinh Thị Dung	01/01/2009	Xi măng PCB30	2.000	1.600	31/12/2009
23	Tạ Quang Thảo	01/01/2009	Xi măng PCB30	2.000	1.600	31/12/2009
24	Lê Văn Năm	01/01/2009	Xi măng PCB30	2.000	1.600	31/12/2009
25	Nguyễn Như Khoa	01/01/2009	Xi măng PCB30	2.000	1.600	31/12/2009
26	Nguyễn Thị Hương	01/01/2009	Xi măng PCB30	2.000	1.600	31/12/2009
27	Mạc Văn Hoan	01/01/2009	Xi măng PCB30	2.000	1.600	31/12/2009
28	Kiều Cao Phước	01/01/2009	Xi măng PCB30	2.000	1.600	31/12/2009
29	Đặng Viết Vinh	01/01/2009	Xi măng PCB30	2.000	1.600	31/12/2009
30	Công ty TNHH Hưng Thịnh	01/01/2009	Xi măng PCB30	5.000	4.000	31/12/2009
31	Công ty Thái Sơn	01/01/2009	Xi măng PCB30	5.000	4.000	31/12/2009
32	Công ty TNHH Hiến Phát	01/01/2009	Xi măng PCB30	5.000	4.000	31/12/2009
33	Công ty CP Xây dựng và Thương	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009

TT	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Chủng loại sản phẩm	Sản lượng (tấn/năm)	Giá trị (triệu VNĐ)	Ngày kết thúc hợp đồng
	mại Phú Cường					
34	Công ty CP Thương mại Hà Tây	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
35	Công ty TNHH Xây dựng Nam Minh	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
36	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Đất Việt	01/01/2009	Xi măng PCB30	3.000	2.400	31/12/2009
37	Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Thương mại Hợp Quyết	01/01/2009	Xi măng PCB30	4.000	3.200	31/12/2009
	Tổng			**197.000**	**153.400**	

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Chú thích: Tất cả các Hợp đồng trên là Hợp đồng nguyên tắc, sang 2010 các Hợp đồng vẫn tiếp tục thực hiện.

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2008 – 2009

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2008	2009	
	Giá trị	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2008
Tổng tài sản	55.069	56.959	3%
Doanh thu thuần	99.236	102.353	3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.892	10.667	8%
Lợi nhuận khác	420	93	-78%
Lợi nhuận trước thuế	10.311	10.759	4%
Lợi nhuận sau thuế	8.845	9.222	4%
Tỷ lệ cổ tức (%)	20%	20%	

Nguồn: BCTC kiểm toán 2009 Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Năm 2009, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều đạt kế hoạch đề ra trong ĐHĐCĐ năm 2009. Doanh thu năm 2009 đạt 102,3% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 107,6% kế hoạch.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm báo cáo 2009

Nhân tố thuận lợi

- Chính sách của Chính phủ Giảm thuế VAT trong năm 2009 đối với mặt hàng xi măng từ 10% xuống 5% đến hết ngày 31/12/2009 có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Doanh thu năm 2009 tăng 3% so với năm 2008. Tuy nhiên, thuế đầu vào cũng làm giảm một phần tốc độ tăng trưởng lợi nhuận khiến lợi nhuận năm 2009 tăng không đáng kể.
- Hiện nay đất nước ta vẫn trong giai đoạn đang phát triển, Nhà nước tiếp tục khuyến khích phát triển hạ tầng và các khu đô thị, ngày càng nhiều các công trình được cấp phép xây dựng, do vậy nhu cầu tiêu thụ xi măng không ngừng tăng.
- Ban lãnh đạo công ty từ Giám đốc đến các Phó Giám đốc đều là những người có trình độ chuyên môn về kỹ thuật và kinh nghiệm lâu năm, đảm bảo nắm vững và có khả năng bao quát và kiểm soát quy trình sản xuất sản phẩm.
- Nguồn cung cấp nguyên vật liệu ổn định, các nhà cung cấp của Công ty hầu hết là các nhà cung cấp truyền thống, có quan hệ làm ăn lâu năm.
- Thương hiệu xi măng Tiên Sơn đã có uy tín trên thị trường, đặc biệt là trên địa bàn phía Nam của Hà Tây cũ.
- Công ty đã áp dụng được các biện pháp nhằm giảm thiểu chi phí như sử dụng vỏ bao tái sinh đã tiết kiệm được hơn 7 tỷ đồng năm 2007 so với việc mua vỏ bao mới.

Nhân tố khó khăn

- Lạm phát cao trong năm 2008 dẫn đến giá cả hầu hết các yếu tố đầu vào đều tăng (nguyên vật liệu, nhiên liệu, chi phí nhân công) dẫn đến chi phí sản xuất kinh doanh tăng. Đây là khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp trong năm qua khi giá cả đầu vào luôn biến động không ổn định và có chiều hướng tăng liên tục trong khi giá bán xi măng lại không được tăng nhiều do ảnh hưởng của cạnh tranh.
- Mặc dù tỷ lệ lạm phát trong năm 2009 đã giảm đáng kể nhưng do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài từ năm 2008, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng. Giá cả vật tư nguyên liệu đầu vào, điện năng, nhiệt năng đều tăng cao. Chính sách cải cách tiền lương của Nhà nước đã được điều chỉnh từ 540.000 đồng lên 650.000 đồng. Do đó, chi phí BHXH và BHYT cho người lao động cũng tăng theo.
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm có tính cạnh tranh quyết liệt mà giá bán xi măng lại thấp ảnh hưởng nhiều đến kết quả SXKD.

- Hiện tại Công ty vẫn sử dụng dây chuyền sản xuất xi măng lò đứng đầu tư từ năm 1993 và 2003 (tổng công suất thiết kế 120.000 tấn/năm). Đây là công nghệ đã lạc hậu và có nhiều nhược điểm như công suất thấp, không tiết kiệm nhiên liệu, chất lượng xi măng không ổn định và ảnh hưởng đến môi trường. Tuy nhiên, Công ty đang có dự án đầu tư lò quay dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm 2013 với công suất của 2 giai đoạn: giai đoạn 1 là 210.000 tấn clinker/năm, giai đoạn 2 là 300.000 tấn clinker/năm. Lò quay đi vào hoạt động sẽ khắc phục được phần lớn các nhược điểm trên của lò đứng và đáp ứng được nhu cầu xi măng của thị trường.
- Sản phẩm của Công ty phải chịu sự cạnh tranh đáng kể đặc biệt trên địa bàn ngoài Hà Tây cũ, Hà Nội và các tỉnh lân cận Hoà Bình, Hà Nam. Trong đó có rất nhiều loại xi măng có công nghệ sản xuất như nhau: như xi măng Tân Phú Xuân, Xi măng Nội Thương, xi măng Quốc Phòng, xi măng Kiện Khê …

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Trong những năm gần đây, Công ty liên tục mở rộng phạm vi sản xuất, đa dạng hóa hệ thống sản phẩm, đầu tư nghiên cứu, cải tiến công nghệ, trang thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xây dựng được những chiến lược phát triển thương hiệu, kinh doanh mạnh mẽ nên doanh thu đạt tốc độ tăng trưởng tốt.

Với đội ngũ lãnh đạo và phụ trách kỹ thuật có kinh nghiệm lâu năm trong ngành, chất lượng xi măng của Công ty ngày càng được nâng cao và đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường. Bên cạnh đó, chính sách giá cả của Công ty phù hợp và mang tính cạnh tranh nên sản phẩm của Công ty đã chiếm được thị phần tương đối lớn ở phía Nam Hà Tây cũ và các tỉnh lân cận, có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong cùng địa bàn hoạt động. Tuy nhiên, hiện nay Công ty cũng chịu sự cạnh tranh đáng kể của nhiều Công ty xi măng trên địa bàn ngoài Hà Tây cũ, Hà Nội và các tỉnh lân cận Hoà Bình, Hà Nam như: xi măng Tân Phú Xuân, xi măng Kiện Khê, xi măng X77, xi măng Nội Thương, xi măng Xuân Mai (đây là những thương hiệu xi măng sản xuất bằng dây chuyền công nghệ lò đứng, công suất vừa và nhỏ giống Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây) ... và các thương hiệu xi măng có tên tuổi như: xi măng Bút Sơn.

Hiện tại, Công ty vẫn đang sản xuất xi măng theo công nghệ lò đứng nên chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty cao hơn so với các đơn vị sản xuất khác sử dụng công nghệ lò quay do công nghệ lò đứng tiêu hao nhiệt năng nhiều hơn. Điều này đã làm giảm đáng kể tỷ lệ lợi nhuận của Công ty trong điều kiện chi phí than liên tục tăng cao như năm 2008 và dự kiến sẽ còn tiếp tục tăng trong những năm tới.

Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi dần công nghệ lò đứng sang lò quay và tiến tới loại bỏ công nghệ xi măng lò đứng trước năm 2020, Công ty Xi măng Tiên Sơn hiện đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng lò quay với công suất 1.000 tấn clinker/ngày, dự kiến sẽ đi vào hoạt động đầu năm 2011. Điều này sẽ làm giảm đáng kể chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành xi măng có mối quan hệ chặt chẽ với biến động của ngành xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng. Ngành xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng là ngành có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, đi trước một bước so với các ngành khác trong nền kinh tế để mở đường cho phát triển kinh tế nên chịu nhiều tác động của chu kỳ kinh tế.

Xi măng được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau liên quan đến ngành xây dựng như cơ sở hạ tầng, bất động sản, xây dựng dân dụng nên ngành xi măng có mức sụt giảm ít hơn so với các ngành khác. Năm 2008, lĩnh vực xây dựng có tốc độ tăng trưởng – 4% thì ngành xi măng vẫn tăng trưởng 7.7%. Sản lượng tiêu thụ của Quý 2/2009 tăng 9%, cao gấp 2 lần so với Quý 1/2009. Tính đến tháng 8/2009 thì tổng sản lượng tiêu thụ xi măng đạt gần 27 triệu tấn, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm ngoái.[(5)]

Theo thống kê của Hiệp hội Xi măng Việt Nam, tổng số dây chuyền sản xuất xi măng ở Việt Nam năm 2009 là 105, với tổng công suất thiết kế hơn 61 triệu tấn, ước tính sản xuất 50 triệu tấn. Năm 2008, Việt Nam tiêu thụ xấp xỉ 40,1 triệu tấn xi măng, năm 2009 tiêu thụ khoảng 44 - 45 triệu tấn. Như đã đề cập ở mục rủi ro thị trường, dự báo sản lượng năm 2009, 2010 sẽ dư thừa, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xi măng trong những năm tới sẽ càng gay gắt.

Tuy nhiên, nếu xem xét tiềm năng đối với ngành xi măng, hiện tại trong nước vẫn có nhiều lĩnh vực cần vật liệu xi măng nhưng chưa khai thác hết. Ví dụ, đầu tư hệ thống giao thông đường bộ bằng bê tông xi măng thay cho bê tông nhựa, đặc biệt là hệ thống đường cao tốc, đường qua khu vực thường xảy ra lũ lụt, đường ven biên giới, nhằm nâng cao tuổi thọ công trình. Văn phòng Chính phủ đã có công văn truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đồng ý giao hai bộ Giao thông - Vận tải và Xây dựng, nghiên cứu chương trình phát triển hệ thống giao thông đường bộ bằng bê tông xi măng, đặc biệt là đường cao tốc, đường qua khu vực biên giới, khu vực thường xảy ra lũ lụt, lũ quét, nhằm nâng cao tuổi thọ công trình và kích cầu xi măng trong nước.[(6)] Năm 2009, trong gói kích cầu tiêu dùng của Chính phủ, tiêu thụ xi măng cũng là loại vật liệu xây dựng được quan tâm. Mặt khác, trong những năm vừa qua, Chính phủ đã đầu tư mạnh để phát triển cơ sở hạ tầng, đồng thời chủ trương thu hút nguồn vốn đầu tư nước

[(5)] Nguồn: Báo cáo triển vọng ngành tháng 03/2010 - SSI Research

[(6)] Nguồn: http://www.thanglongcement.com.vn/?act=newsdetail&nid=12&id=98

ngoài đầu tư vào lĩnh vực này. Đây là những yếu tố tích cực giúp ngành xi măng có sự tăng trưởng về dài hạn.

Theo Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg ngày 16/05/2005 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, mục tiêu phát triển của ngành công nghiệp xi măng Việt Nam là đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng xi măng trong nước (cả về số lượng và chủng loại), có thể xuất khẩu khi có điều kiện; đưa ngành xi măng Việt Nam thành một ngành công nghiệp mạnh, có công nghệ hiện đại, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế trong tiến trình hội nhập.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Với tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây, đời sống của người dân được nâng cao, do đó nhu cầu sử dụng các dịch vụ cũng tăng. Hiệp hội xi măng Việt Nam dự báo, nhu cầu xi măng trong các năm tới vẫn tiếp tục tăng do Việt Nam vừa gia nhập Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) nên có nhiều cơ hội để đẩy mạnh hợp tác kinh tế, quốc tế và phát triển đất nước, nhất là mức đầu tư cho xây dựng ngày càng tăng. Trong những năm qua, tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp này đều duy trì ở mức trên 10%/năm.

Theo quyết định của Thủ Tướng Chính Phủ số: 108/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Chính Phủ ưu tiên phát triển các nhà máy quy mô công suất lớn; các dự án chuyển đổi công nghệ từ lò đứng sang lò quay có thể áp dụng quy mô công suất vừa và nhỏ, nhưng không nhỏ hơn 1.000 tấn clinke/ngày, tiến tới loại bỏ công nghệ xi măng lò đứng trước năm 2020. Do đó, Công ty đã quyết định đầu tư 1 nhà máy xi măng lò quay có công suất thiết kế 1000 tấn clinke/ngày tương đương 315.000 tấn clinke/năm tại huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Điều này phù hợp với chiến lược phát triển của Chính Phủ và của ngành đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Chủ trương này đã được Bộ Xây dựng đưa vào quy hoạch điều chỉnh phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến 2010 và định hướng đến năm 2020 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 16 tháng 5 năm 2005.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Cơ cấu lao động trong Công ty

Bảng 16: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2009

Tiêu chí	Số lượng (người)
I. Phân theo trình độ học vấn	
1. Trên đại học	0

2. Trình độ đại học	31
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	63
4. Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	403
II. Phân theo phân công lao động	
1. Hội đồng quản trị/ Ban giám đốc	5
2. Lao động quản lý	22
3. Lao động trực tiếp	470

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

10.2 Chính sách với người lao động

a. Chế độ làm việc

Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động, trừ một số lao động phổ thông ở các tỉnh thuê theo yêu cầu của từng dự án. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày, Các phòng ban chức năng làm việc theo giờ hành chính, Riêng tại nhà máy, công nhân làm việc 3 ca/ngày, mỗi ca 8 tiếng.

Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ theo đúng Luật lao động,

Công ty thực hiện đúng chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ theo quy định. Bên cạnh đó, Công ty còn tạo điều kiện cho nhân viên nghỉ dài hơn nếu có nhu cầu.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển, Công ty đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo trực tiếp lao động ngay tại nhà máy, khuyến khích nhân viên các phòng ban tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn để nâng cao nghiệp vụ trực tiếp của lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn tạo điều kiện, hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học các ngành nghề khác không liên quan tới nghiệp vụ trực tiếp.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Thu nhập bình quân của Công ty năm 2008 là 2,75 triệu đồng/người/tháng; 6 tháng năm 2009 là 2,8 triệu đồng/người/tháng.. Ngoài ra, Công ty còn có các chế độ thưởng và phúc lợi khác như hàng năm công ty có tổ chức cho CBCNV đi thăm quan du lịch ,có chế độ thưởng lao động giỏi quý,sáu tháng ,năm . …

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Công ty phải đảm bảo sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các khoản nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Chính sách cổ tức của Công ty đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và khả năng mở rộng sản xuất và tăng trưởng trong tương lai, tỷ lệ cổ tức năm 2008 là 20% bằng tiền mặt. Năm 2009, tỷ lệ cổ tức chi trả là 20% bằng tiền mặt (Công ty đã thực hiện trả cổ tức). Kế hoạch cổ tức trong các năm 2010 - 2011 giữ ổn định ở mức 20%.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành; Công ty sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam.

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
Tài sản cố định khác	10 năm

b. Mức thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty khá cao so với các doanh nghiệp trong cùng địa phương, năm 2008 là 2,75 triệu đồng/người/tháng; 6 tháng năm 2009 là 2,8 triệu đồng/người/tháng.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào các báo cáo của Công ty và báo cáo đã được kiểm toán năm 2007 và 2008, Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản vay và nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế hàng quý, thực hiện kê khai và nộp các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên và các loại thuế khác đúng thời gian quy định của Nhà nước.

e. Trích lập các quỹ theo luật định

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 31/03/2010, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập quỹ năm 2009 như sau:

Bảng 17: Bảng kê trích lập các quỹ năm 2009

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung trích lập	Phương pháp tính	Số tiền
1	Quỹ đầu tư phát triển (*)	21% lợi nhuận kế toán sau thuế	2.061.525.719
2	Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận kế toán sau thuế	402.000.000
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10% lợi nhuận kế toán sau thuế	1.004.000.000
4	Thanh toán cổ tức	20% vốn điều lệ	5.872.280.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

(*) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã thông qua trích lập quỹ đầu tư phát triển là: 2.061.525.719 đồng, trong đó 136.969.840 đồng là số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn 14% năm 2008; 1.045.381.651 đồng là số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn 12,5 % trong năm 2009 được dùng để trích lập quỹ đầu tư phát triển và 879.174.228 là phần trích quỹ đầu tư phát triển 2009.

(*) Ý kiến kiểm toán trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 là Công ty hạch toán thiếu khoản lãi cho Ngân hàng Thái Bình Dương vay với số tiền là 978.356.000 đồng. Về vấn đề này, trong năm 2009, Công ty đã hạch toán bổ sung vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2009 và Công ty đã trích đầy đủ thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi vào quỹ đầu tư phát triển theo quy định (khoản 136.969.840 đồng nói trên).

f. Tổng dư nợ vay

Trong năm 2008 và 2009, Công ty không có các khoản vay và nợ ngắn hạn, vay và nợ dài hạn.

Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 18: Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty giai đoạn 2008 - 2009

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009
Phải thu khách hàng **(i)**	620.026.700	3.413.116.152
Trả trước cho người bán	40.000.000	55.286.726
Phải thu khác **(ii)**	3.886.177.252	4.656.782.766
Dự phòng các khoản phải thu	0	(216.447.200)
Tổng cộng	**4.546.203.952**	**7.908.738.444**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009 của Công ty

(i) Khách hàng của công ty phần lớn là các đại lý vật liệu xây dựng và một số công ty xây lắp. Số dư phải thu khách hàng tại 31/12/2009 tăng gấp 5,5 lần so với năm 2008 chủ yếu là do công ty có chính sách cho các đại lý tiêu thụ nợ số hàng tiêu thụ đến cuối tháng 12/2009 để kích thích khâu bán hàng. Đến nay, các đại lý của Công ty đã thực hiện thanh toán phần nợ này.

(ii) Phải thu khác năm 2009 là khoản cho cán bộ công nhân viên vay có tính lãi suất. Phải thu khác năm 2009 tăng 19,8% so với năm 2008 chủ yếu do CBCNV đã đến hạn trả và trừ dần vào lương của cán bộ công nhân viên.

Bảng 19: Các khoản phải trả ngắn hạn của Công ty giai đoạn 2008 – 2009

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009
1. Phải trả người bán **(i)**	5.164.025.218	7.245.214.307
2. Người mua trả tiền trước	1.125.839.168	125.677.998
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước **(ii)**	1.693.184.892	637.008.904
4. Phải trả người lao động	2.732.538.184	2.924.148.184
5. Chi phí phải trả	302.375.320	348.966.016
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác **(iii)**	2.210.323.719	1.462.167.046
Tổng cộng	**11.017.962.782**	**12.743.182.455**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009 của Công ty

(i) Công ty có quan hệ tốt và lâu năm với các nhà cung cấp truyền thống cho các loại nguyên vật liệu đầu vào. Đối với các loại nguyên vật liệu như quặng sắt, đất sét, đá mỡ; Công ty được mua trả chậm trong thời hạn từ 2 đến 4 tuần, riêng than cám Công ty phải ứng trước tiền mua cho nhà cung cấp. Nhìn chung, Công ty thường xuyên thực hiện thanh toán các khoản nợ phải trả người bán đầy đủ khi đến hạn.

(ii) Công ty thường xuyên nộp thuế đúng hạn định. Số dư phải nộp thuế 2008 chủ yếu thể hiện tiền thuế VAT tháng 11, 12/2008 và thuế thu nhập Doanh nghiệp quý 4/2008. Số dư phải nộp thuế 2009 chủ yếu là tiền thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4/2009. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước năm 2009 giảm 62% so với năm 2008 do thuế VAT năm 2009 công ty đã nộp hết và chỉ nợ lại thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4/2009, hạn nộp đến ngày 31/03/2010. Đến thời điểm này công ty đã nộp đủ.

(iii) Phải trả về cổ phần hóa chiếm tỷ lệ chủ yếu trong các phải trả khác. Đây là khoản phải trả Nhà nước về cổ phần hóa nhưng do chưa thu được từ các cán bộ công nhân viên Công ty thuộc diện hộ nghèo (do chính sách ưu đãi của Nhà nước) nên chưa trả Nhà nước. Theo đó, các hộ được ưu đãi sẽ chỉ phải trả sau 3 năm từ năm cổ phần hóa 2005 và trả dần tối đa trong 7 năm tiếp theo không phải chịu lãi suất. Hiện nay, Công ty đã thu được 441 triệu trong số 826 triệu, Công ty sẽ trả lại cho Nhà nước khi thu xong toàn bộ số còn lại vào năm 2015 (Theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần). Các khoản phải trả, phải nộp khác năm 2009 giảm 42% so với năm 2008 chủ yếu do kinh phí công đoàn năm 2009 đã trả hết.

12.2 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty (2008 – 2009)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2008	2009
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	Lần	2,13	2,54
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	Lần	0,67	1,31
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Tỷ lệ nợ/Tổng tài sản (lần)	%	24,97	22,95
Tỷ lệ nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	%	33,28	29,8
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,50	4,96
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,8	1,8
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	%	8,91	9,01
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	%	20,42	21,99

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2008	2009
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân(%)	%	15,64	16,46
- Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	%	9,97	10,42

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

Hội đồng quản trị

1. Họ và tên : **NGUYỄN THẾ NHẬM**

Số CMND : 111489911

Giới tính : Nam

Năm sinh : 14/3/1949

Nơi sinh : Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 0433.775130

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- Từ 1967 - 1974 Nhập ngũ
- Từ 1975 - 1980 Sinh viên Đại học Xây dựng Hà Nội
- Từ 1981 - 1992 Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng huyện Ứng Hòa
- Từ 1993 - 1995 Phó ban quản lý xây dựng công trình Nhà máy Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
- Từ 1996 - 2000 Phó Giám đốc Công ty Xi măng Tiên Sơn
- Từ 2001 - 2004 Giám đốc Công ty Xi măng Tiên Sơn
- Từ 2005 - nay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty Xi măng Tiên Sơn

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/03/2010: 1.002.100 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 15/03/2010: 34,12% vốn điều lệ

- Đại diện pháp nhân cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước: 850.700 cổ phần, tương đương 28,97% vốn điều lệ.
- Cá nhân: 151.400 cổ phần, tương đương 5,15% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 15/03/2010: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không.

2. Họ và tên : **HOÀNG THỊ HIỀN**

Số CMND : 111536367

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 01/8/1963

Nơi sinh : Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 0433.775135

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1984 – 1989: Nhân viên phòng hành chính – Xí nghiệp Xi măng đá Tiên Sơn Hà Tây
- Từ 1990 - 1992: Học sinh trường Trung học Xây dựng số 1
- Từ 1993 - 1999: Nhân viên Phòng kế toán – Công ty Xi măng Tiên Sơn
- Từ 2000 - 2004: Phó Trưởng Phòng kế toán thống kê - Công ty Xi măng Tiên Sơn

▪ Từ 2005 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Chức vụ hiện tại: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây;

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/03/2010: 171.300 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 15/03/2010: 5,83% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 15/03/2010: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

3. Họ và tên	: **TƯỞNG MẠNH BIÊN**
Số CMND	: 111646787
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 25/11/1973
Nơi sinh	: Tảo Dương Văn - Ứng Hòa – Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tảo Dương Văn - Ứng Hòa – Hà Nội
Điện thoại liên lạc	: 0433.774161
Trình độ văn hoá	: 12/12

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân quản trị kinh doanh
- Cử nhân cao đẳng nông nghiệp

Quá trình công tác:

▪ Từ 9/1996 - 04/1998	Cán bộ kỹ thuật của Viện Pasteur Đà Lạt
▪ Từ 5/1998 - 12/2000	Nhân viên KCS, Phòng kỹ thuật công nghệ, Công ty Xi măng Tiên Sơn
▪ Từ 1/2001 - 8/2002	Cán bộ Phòng kỹ thuật công nghệ, Công ty Xi măng Tiên Sơn
▪ Từ 9/2002 - 6/2003	Phó Phòng kỹ thuật công nghệ – Công ty Xi măng

	Tiên Sơn
▪ Từ 7/2003 - 12/2004	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ – Công ty Xi măng Tiên Sơn
▪ Từ 01/2005 -3/2008	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
▪ Từ 3/2008 đến nay	Phó chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây;

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/03/2010: 45.800 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 15/03/2010: 1,55% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 15/03/201009: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không.

4. Họ và tên	: **PHẠM VĂN ĐƯỜNG**
Số CMND	: 112174993
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 02/05/1950
Nơi sinh	: Giang Triều, Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	: 0433.775134
Trình độ văn hoá	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư silicát
Quá trình công tác:	
▪ Từ 1970 - 1975	Nhập ngũ
▪ Từ 1976 - 1979	Học đại học Bách khoa
▪ Từ 1980 - 1989	Nhân viên Phòng kỹ thuật Công ty Xi măng Tiên

	Sơn
▪ Từ 1990 - 1994	Trưởng Phòng kỹ thuật Công ty Xi măng Tiên Sơn
▪ Từ 1995 - 2004	Phó Giám đốc Công ty Xi măng Tiên sơn
▪ Từ 2005 - 2008	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
▪ 2008 đến nay	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/03/2010: 32.000 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 15/03/2010: 1,10% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 15/03/2010:

- Con gái: Phạm Thị Minh Châu 2.200 cổ phần tương đương 0,07% vốn điều lệ
- Con gái: Phạm Thị Minh Kiều 7.500 cổ phần tương đương 0,25% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.;

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

5. Họ và tên	: **NGUYỄN MINH HÀ**
Số CMND	: 111247902
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 12/4/1972
Nơi sinh	:Nông trường Tân trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên quang
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	: 0433.775838
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư tự động hóa

Quá trình công tác:

▪ Từ 6/1991 – 03/2009	Công tác tại Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
▪ Từ 3/2009 đến nay	Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/03/2010: 35.800 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 15/03/2010: 1,22% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 15/03/2010:

- Vợ: Nguyễn Thị Yến 1.000 cổ phần tương đương 0,034% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.;

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

Ban Giám đốc

1. Họ và tên: **NGUYỄN THẾ NHẬM** (Sơ yếu lý lịch xem ở mục Hội đồng quản trị)
2. Họ và tên: **TƯỞNG MẠNH BIÊN** (Sơ yếu lý lịch xem ở mục Hội đồng quản trị)
3. Họ và tên: **PHẠM VĂN ĐƯỜNG** (Sơ yếu lý lịch xem ở mục Hội đồng quản trị)

Ban kiểm soát

1. Họ và tên	: **NGUYỄN DANH LỆ**
Số CMND	: 111470199
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 12/08/1955
Nơi sinh	: Miêng Hạ- Hoa Sơn - Ứng Hòa – Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Thị trấn Vân đình - Ứng hòa - Hà Nội
Điện thoại liên lạc	: 0433.775136
Trình độ văn hoá	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Trung cấp kế toán

Quá trình công tác:

▪ Từ 1978 – 1983	Nhân viên Phòng tài chính huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình
▪ Từ 1983 – 1995	Nhân viên Phòng kế toán – Xí nghiệp Xi măng đá Tiên Sơn
▪ Từ 1995 – 2001	Nhân viên Phòng Tiêu thụ - Công ty Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
▪ Từ 2002– 3/2008	Phó phòng vật tư vận tải Công ty cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
▪ Từ 3/2008 đến nay	Chuyên trách Trưởng ban kiểm soát

Chức vụ hiện tại: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/03/2010: 11.700 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 15/03/2010: 0,38% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 15/03/2010:

- Con trai : Nguyễn Danh Lam 2.500 cổ phần tương đương 0,085% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.;

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không.

2. Họ và tên	: **TRẦN VĂN NGHINH**
Số CMND	: 111470026
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 16/7/1956
Nơi sinh	: Hợp Tiến – Mỹ đức – Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Hợp Tiến – Mỹ Đức – Hà Nội
Điện thoại liên lạc	: 0433.775442
Trình độ văn hoá	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Thợ tiện

Quá trình công tác:

▪ Từ 1997 – 1981	Công tác tại Nhà máy cơ khí nông nghiệp Hà Tây

- Từ 1981 – 1983 — Công tác tại Xí nghiệp xi măng Mỹ Đức
- Từ 1983 đến nay — Công tác tại Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Chức vụ hiện tại: Ủy viên ban kiểm soát, quản đốc phân xưởng

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/03/2010: 11.300 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 15/03/2010: 0,39 % vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 15/03/2010:

- Con trai: Trần Văn Giáp 2.000 cp tương đương 0,068% vốn điều lệ
- Trần Thị Biên (Con gái): 1.000 cổ phần, tương đương 0,034 % vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không;

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

3. Họ và tên : **BÙI VĂN ĐỒNG**

Số CMND : 111470108

Giới tính : Nam

Năm sinh : 19/8/1954

Nơi sinh : Xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 0433.775442

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Trung cấp

Quá trình công tác:

- Từ 1978 đến 03/2008 — Công tác tại Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
- Từ 3/2008 đến nay — Ủy viên ban kiểm soát, quản đốc phân xưởng

Chức vụ hiện tại: Ủy viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 15/03/2010: 17.904 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 15/03/2010: 0,61% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 15/03/20109:

- Bùi Thị Duân (Con gái): 1.800 cổ phần, tương đương 0,061 % vốn điều lệ
- Bùi Thị Duyên (Con gái): 1.500 cổ phần, tương đương 0,051 % vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không;

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không;

Kế toán trưởng:

Họ và tên: **HOÀNG THỊ HIỀN** (Sơ yếu lý lịch xem ở mục Hội đồng quản trị)

14. Tài sản

Bảng 21: Một số tài sản chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
	Tài sản cố định hữu hình			
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	20.115	2.043	10,16
2	Máy móc thiết bị	37.556	13.880	36,96
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.461	828	33,63
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	723	154	21,29
5	Tài sản cố định khác	2.267	139	6,14
	Cộng	**63.122**	**17.044**	**27,00**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009 của Công ty

Bảng 22: Tình hình đất đai tính đến thời điểm 31/12/2009

TT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Thời gian bắt đầu thuê	Thời hạn (năm)	Loại hình
1	Thôn Hữu Vĩnh - Hồng Quang - Ứng Hoà – Hà Nội	32.612,65	23/08/2007	50	Thuê trả tiền hàng năm
2	Thôn Phú Dư - Hồng Quang - Ứng Hoà - Hà Nội	14.996,66	23/08/2007	50	Thuê trả tiền hàng năm

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010-2011

15.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2011

Bảng 23: Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty 2010-2011

Sản phẩm	2010		2011	
	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2009	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2010
Sản lượng xi măng (tấn)	150.000	4	180.000	20
Đá xây dựng (M2)	100.000	275	110.000	10
Vốn điều lệ (triệu đồng)	29,36	0	29,36	-
Doanh thu (tỷ đồng)	110	7,84	114	3,63
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	11	19,30	11,0	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	10%	0,99%	9,64	0,36
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (%)	37,46	6,06	37,46	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	20	.	20	-

(*) Lợi nhuận dự kiến trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010 là lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế được tính dựa trên lợi nhuận trước thuế với thuế suất là 12,5%.

Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Căn cứ vào dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế các năm 2010. Tuy nền kinh tế năm 2010 còn gặp khó khăn nhưng chính sách kích cầu của Chính phủ từ năm 2009 đã tạo điều kiện cho sự tăng trưởng của ngành xây dựng và vật liệu xây dựng. Nền kinh tế đang có dấu hiệu phục hồi. Đây là yếu tố thuận lợi đối với nhiều ngành nói chung trong đó có ngành xi măng.
- Công ty đã đề ra những biện pháp cụ thể để đạt được mục tiêu doanh thu, lợi nhuận nói trên như: duy trì sản xuất, tăng cường hệ thống bán hàng, tăng sản lượng tiêu thụ, tăng năng suất chất lượng, giảm chi phí đầu vào. Nhờ cải tiến về hệ thông xử lí môi trường, lượng bụi thu về bình quân 2 tấn/ngày dùng để làm phụ gia cho xi măng. Với những biện pháp nói trên, Công ty sẽ duy trì kế hoạch lợi nhuận và chia cổ tức như năm 2009. Năm 2010, Công ty đẩy mạnh sán xuất và tiêu thụ đá các loại để đạt kế hoạch lợi nhuận, cổ tức đề ra.
- Căn cứ vào một số Hợp đồng lớn tiêu thụ sản phẩm xi măng đang thực hiện năm 2010 theo Bảng 13.
- Dự án nhà máy mới của Công ty (Nhà máy xi măng lò quay Tiên Sơn) khi đi vào hoạt động sẽ mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp vào năm 2013 .

15.2. Giới thiệu về dự án nhà máy mới của Công ty

15.2.1 Tên dự án: Nhà máy xi măng lò quay Tiên Sơn

15.2.2 Căn cứ pháp lý

- Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây.

15.2.3 Sự cần thiết đầu tư:

Với định hướng chiến lược nhằm duy trì sự tăng trưởng bền vững và liên tục trong những năm tới, Công ty cổ phần Xi măng Tiên Sơn đã chủ trương mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng sức cạnh tranh trên thị trường bằng việc đầu tư xây dựng mới một nhà máy xi măng lò quay có công suất thiết kế giai đoạn I là: 700 tấn clinker/ngày, giai đoạn II là: 1.000 tấn clinker/ngày.

Việc đầu tư nhà máy mới là hết sức cần thiết và phù hợp với trình độ quản lý của các doanh nghiệp vừa và nhỏ như Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây với những lý do sau:

- Theo quyết định của Thủ Tướng Chính Phủ số: 108/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Chính Phủ ưu tiên phát triển các nhà máy quy mô công suất lớn; các dự án chuyển đổi công nghệ từ lò đứng sang lò quay có thể áp dụng quy mô công suất vừa và nhỏ, nhưng không nhỏ hơn 1.000 tấn clinke/ngày, tiến tới loại bỏ công nghệ xi măng lò đứng trước năm 2020.
- Hàng năm, nhà máy xi măng lò đứng Tiên Sơn có đóng góp không nhỏ vào nguồn thu ngân sách cho tỉnh Hà Tây (cũ), song đặc thù của sản xuất xi măng lò đứng còn tồn tại một số nhược điểm cơ bản là:
  - Môi trường khu vực bị ảnh hưởng do tiếng ồn, do bụi khói lò.
  - Tiềm ẩn tai nạn do lao động,
  - Chất lượng không đồng đều do đặc điểm của công nghệ sản xuất xi măng lò đứng.
- Hiện nay, đất nước ta đã hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, do đó sự cạnh tranh về chất lượng và giá cả hàng hóa nói chung và xi măng nói riêng sẽ ngày càng gay gắt. Vì vậy, việc thay thế công nghệ sản xuất xi măng lò đứng tại nhà máy xi măng Tiên Sơn bằng công nghệ lò quay là hoàn toàn phù hợp với Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg của Chính phủ nói trên và chủ trương phát triển ngành công nghiệp xi măng của Bộ Xây dựng và tỉnh Hà Tây (cũ). Về mặt xã hội thì đồng nghĩa với việc giữ vững và giải quyết công ăn việc làm cho hàng trăm công nhân đã gắn bó với nhà máy xi măng trong nhiều năm qua.

Ngoài những điểm cần thiết được phân tích như trên, việc đầu tư thay đổi công nghệ xây dựng một dây chuyền sản xuất xi măng bằng lò quay, thay thế dây chuyền sản xuất xi măng lò đứng còn đạt được những mục tiêu cơ bản sau:

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến: Sử dụng công nghệ sản xuất xi măng tiên tiến, để thay đổi công nghệ sản xuất xi măng lò đứng là công nghệ đã đến lúc không còn phù hợp.
- Cải thiện về chất lượng (nâng đẳng cấp chất lượng): Đảm bảo chất lượng của xi măng PCB30, PCB40 theo tiêu chuẩn TCVN 6260:1997 và PC40 và PC50 theo tiêu chuẩn TCVN 2682-1999 ổn định, hàm lượng vôi tự do được khống chế < 1% (hàm lượng vôi tự do của xi măng lò đứng hiện tại là 3 – 3,5%), đây là mục tiêu quan trọng có tính chất sống còn của nhà máy trong tương lai.
- Nâng công suất sản xuất xi măng: Đầu tư xây dựng mới dây chuyền sản xuất xi măng bằng lò quay, tận dụng tối đa cơ sở vật chất và các thiết bị hiện có nhằm giảm vốn đầu tư, tăng hiệu quả kinh tế, góp phần tăng sản lượng xi măng cung cấp cho thị trường, cũng như việc tăng giá trị đóng góp cho ngân sách nhà nước và địa phương.
- Nâng cao mức độ cơ giới hóa và tự động hóa điều khiển trong quá trình sản xuất: sản xuất xi măng theo công nghệ lò đứng có nhiều công đoạn bán cơ giới và thủ công, người lao động mất nhiều công sức nhưng hiệu quả lao động thấp, chất lượng sản phẩm không đồng đều,
- Giảm tiêu hao nhiệt năng: Nhiệt năng tiêu tốn để nung clinker của lò đứng hiện nay là 1200 – 1250 kcal/kgclinker, sẽ giảm xuống còn <= 850 kcal/kg clinker với công nghệ lò quay.
- Cải thiện môi trường: Hiện nay môi trường bụi khi sản xuất xi măng theo công nghệ lò đứng là vấn đề đã được các nhà sản xuất rất quan tâm. Khói lò nung chỉ được xử lý bằng buồng lắng với hiệu suất xử lý bụi đạt được 99,9%. Nồng độ bụi thải sẽ đạt được yêu cầu cho phép <=50 mg/Nm^3, môi trường khu vực sẽ được đảm bảo.
- An toàn trong quá trình sản xuất: Trong thực tế sản xuất xi măng lò đứng còn tiềm ẩn nhiều tai nạn lao động. Nếu sản xuất xi măng theo công nghệ lò quay vấn đề này sẽ được khắc phục.

Với những điểm phân tích ở trên, nhà máy xi măng Tiên Sơn cần thiết phải đầu tư thay đổi công nghệ sản xuất xi măng bằng lò quay và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn đã được UBND tỉnh Hà Tây cho phép xây dựng một nhà máy có công nghệ tiên tiến có công suất giai đoạn 1 là 700 tấn clinker/ngày, giai đoạn 2 là 1.000 tấn clinker/ngày.

15.2.4 Mục tiêu đầu tư

Chuyển đổi công nghệ dựa trên cơ sở tận dụng tối đa, hợp lý và có hiệu quả cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hiện có của nhà máy; giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường và đồng thời cũng là

thực hiện việc thay thế nhà máy xi măng lò đứng bằng lò quay trước năm 2020 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Khi nhà máy đi vào sản xuất sẽ cung cấp xi măng cho thị trường Hà Tây cũ, các vùng lân cận và một phần thị trường vùng Đồng bằng Sông Hồng, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay và góp phần phát triển công nghiệp địa phương, duy trì việc làm và tăng thu nhập cho công nhân nhà máy, tăng cường việc đóng góp cho nguồn thu ngân sách của tỉnh mỗi năm hàng chục tỷ đồng.

15.2.5 Hình thức đầu tư

Dự án Nhà máy xi măng lò quay Tiên Sơn được đầu tư chuyển đổi công nghệ với quy mô công suất 700 tấn clinker/ngày (giai đoạn 1) và 1.000 tấn clinker/ngày (giai đoạn 2) được lập với 2 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1: Đầu tư mới từ đầu dây chuyền sản xuất đến nung ra clinker và silo chứa clinker. sử dụng lại 4 dây chuyền nghiền xi măng, dây chuyền đóng bao và sản xuất xi măng bao của nhà máy cũ, với công suất 700 tấn clinker/ngày.
- Giai đoạn 2: Đầu tư mới thêm các công đoạn:
  - Đập thạch cao và tiếp nhận phụ gia
  - Nghiền xi măng
  - Silo xi măng và xuất xi măng rời
  - Đóng bao và xuất xi măng bao

  Nhà máy sẽ nâng công suất lên 1.000 tấn clinker/ngày.

15.2.6 Địa điểm đầu tư

Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Diện tích đất sử dụng là 48.870 m^2. Dây chuyền mới được xây dựng dựa trên mặt bằng hiện nay của dây chuyền sản xuất xi măng lò đứng. Nhà máy xi măng lò đứng vẫn hoạt động trong quá trình xây dựng nhà máy lò quay. Việc xây dựng nhà máy mới không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy xi măng lò đứng.

15.2.7 Tổng vốn đầu tư:

Dự án được tính dựa trên tỷ giá 1 USD = 16.112 đồng Việt Nam. Tổng mức đầu tư 2 giai đoạn: 362.839.987.000 đồng (Theo giấy chứng nhận đầu tư).

- Giai đoạn 1: 272.790.246.000 đồng (Hai trăm bảy mươi hai tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng chẵn).

- Vốn tự có của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn: 54 tỷ (tương đương 20% vốn đầu tư).
- Vốn vay thương mại từ các ngân hàng trong nước: 80% vốn đầu tư.

❖ Giai đoạn 2: 90.049.741.000 đồng.

15.2.8 Phương pháp sản xuất

Lựa chọn phương pháp sản xuất cho dây chuyền nhà máy xi măng lò quay Tiên Sơn theo phương pháp khô với hệ thống lò quay năng suất 700 – 1.000 tấn clinker/ngày có tháp trao đổi nhiệt gồm 5 nhánh tầng cyclon có buồng phân hủy đốt hoàn toàn bằng than cám. Dây chuyền có công nghệ sản xuất và trang thiết bị tiên tiến của Trung Quốc, đảm bảo sản xuất ổn định, đạt năng suất và chất lượng sản phẩm tốt mang lại hiệu quả kinh tế và kỹ thuật.

15.2.9 Sản lượng sản xuất

❖ Giai đoạn 1: 700 tấn clinker/ngày.

❖ Giai đoạn 2: 1.000 tấn clinker/ngày,

Số ngày lò quay hoạt động trong năm: 300 ngày/năm.

Sản lượng clinker tính toán hàng năm:

❖ Giai đoạn 1: 700 tấn/ngày x 300 ngày = 210.000 tấn clinker/năm

❖ Giai đoạn 2: 1.000 tấn/ngày x 300 ngày = 300.000 tấn clinker/năm.

15.2.10 Kế hoạch sản xuất

Căn cứ vào năng lực sản xuất của thiết bị công nghệ sau khi đi vào hoạt động, dự án sẽ cung cấp cho thị trường 3 loại sản phẩm là:

❖ Xi măng PCB 30 bao

❖ Xi măng PCB 40 bao

❖ X măng PCB 40 rời

Với mức huy động sản lượng dự kiến như sau:

❖ Năm sản xuất thứ 1: 80% công suất

❖ Năm sản xuất thứ 2: 90% công suất

❖ Năm sản xuất thứ 3 trở đi: 100% công suất.

15.2.11 *Tiến độ thực hiện của dự án:*

Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây cũ phê duyệt và cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án. Giai đoạn 1 dự kiến sẽ đầu tư xây dựng trong vòng 3 năm. Giai đoạn 2 dự kiến thực hiện

sau khi giai đoạn 1 hoàn tất. Theo tài liệu dự án, nhà máy sẽ được khởi công xây dựng từ năm 2006. Trên thực tế, dự án triển khai chậm hơn so với dự kiến. Công ty đã thuê tư vấn thiết kế ban đầu với chi phí thiết kế là 253 triệu đồng. Dự kiến nhà máy được khởi công xây dựng giai đoạn 1 vào năm 2011, dự kiến năm 2013 có sản phẩm.

15 Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, chiến lược đầu tư của Công ty trong tương lai và mức dự báo tăng trưởng của ngành xi măng nói chung, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn có tính khả thi và có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

16 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán:

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 (mười nghìn) VNĐ/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

2.936.140 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức hiện hành

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là: 606.633 cổ phiếu, cụ thể:

- Thành viên chủ chốt: 100% số cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng (477.204 cổ phiếu) bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian sáu tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này (238.602 cổ phiếu) trong thời gian sáu tháng tiếp theo.
- Những đối tượng vay vốn của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn cầm cố cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn: 56.829 cổ phần. Những đối tượng này là cán bộ nhân viên vay Công ty trong thời hạn 1 năm, có thể trả số tiền vay bất cứ lúc nào trong thời hạn cho vay và cầm cố cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn (thỏa thuận dựa trên Đơn xin vay vốn và có xác nhận của Công ty). Khi cán bộ nhân viên trả tiền vay, số cổ phần này được tự do chuyển nhượng.
- Những đối tượng thuộc diện hộ nghèo sẽ chỉ phải trả tiền mua cổ phần sau 3 năm từ năm cổ phần hóa 2005 và trả dần tối đa trong 7 năm tiếp theo không phải chịu lãi suất (tối đa 2015 phải trả hết). (Theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần). Tổng số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của những đối tượng này là: 72.600 cổ phần. Khi các hộ nghèo trả tiền mua cổ phần, số cổ phần này sẽ được tự do chuyển nhượng.

5. Phương pháp tính giá

Công thức tính giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{(Vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng phúc lợi)}}{\text{(Số lượng cổ phần đang lưu hành - cổ phiếu quỹ)}}$$

Tại thời điểm 31/12/2008, căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán 2008, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây là:

= (41.317.776.322 – 698.995.327)/2.936.140

= 13.834 VNĐ/cổ phần.

Tại thời điểm 31/12/2009, căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán 2009, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây là:

= (43.881.886.256 – 653.201.911)/2.936.140

= 14.723 VNĐ/cổ phần.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2009.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0%.

7. Các loại thuế có liên quan

Công ty chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25%.

Theo quy định tại điểm 1 Điều 36 Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Theo đó, Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm 2005, 2006 và chịu thuế suất thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất trong năm 2007: 14%, 2008: 14% và 2009: 12,5%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức Tư vấn

- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn

  Trụ sở chính:

  Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

  ĐT: (08) 3824 2897 Fax: (08) 3824 7430

  Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

- CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: 180-182 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

  ĐT: (08) 3821 8567 Fax: (08) 3291 0590

- CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

  Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

  ĐT: (04) 3936 6321 Fax: (04) 3936 6311

- CN Trần Bình Trọng – Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng – Hoàn Kiếm – Hà Nội

  ĐT: (04) 3942 6718 Fax: (04) 3942 6719

- CN Hải Phòng -Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng

  ĐT: (031) 356 9123 Fax: (031) 356 9130

- CN Vũng Tàu -Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: Số 4 Lê Lợi, Vũng Tàu, Hồ Chí Minh

  ĐT: (064) 352 1906 Fax: (064) 352 1907

- CN Quảng Ninh

  Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Đại Hải, 156B Lê Thành Tông, Quảng Ninh

  ĐT: (033) 381 5678 Fax: (033) 381 5680

2. Tổ chức kiểm toán

- Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

  Địa chỉ: Số 1- Lê Phụng Hiểu –Hoàn Kiếm -Hà Nội

  ĐT: (04) 3824 1990/1 Fax: (04) 3825 3973

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục 2: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty

Phụ lục 3: Báo cáo kiểm toán 2009

Phụ lục 4: Nghị quyết họp HĐQT thông qua hồ sơ niêm yết.

Phụ lục 5: Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

Phụ lục 6: Các giấy tờ khác có liên quan

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THẾ NHẬM

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN DANH LỆ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HOÀNG THỊ HIỀN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

TRẦN THỊ THÚY